Ngày soạn:

CHUYÊN ĐỀ 1:

TẬP NGHIÊN CỨU VÀ VIẾT BÁO CÁO VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

Thời gian thực hiện: 10 tiết

PHẦN 1
TẬP NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU CHUNG

1. Kiến thức: Giúp học sinh:

- Biết các yêu cầu, cách thức nghiên cứu một vấn đề văn học trung đại Việt Nam.
- Nắm được qui trình nghiên cứu một vấn đề văn học trung đại Việt Nam.
- Biết viết một báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học trung đại Việt Nam.
- Vận dụng một số hiểu biết từ CĐ để đọc hiểu và viết về văn học trung đại Việt Nam.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực đặc thù

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến các văn bản văn học trung đại Việt Nam.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.
- Vận dụng một số hiểu biết từ chuyên đề đọc hiểu để viết về văn học trung đại Việt Nam.
- Biết thuyết trình, trao đổi về một vấn đề văn học trung đại Việt Nam.

3. Phẩm chất

- Trân trọng, giữ gìn những tác phẩm văn học trung đại Việt Nam.
- Có trách nhiệm với công việc của mình.
- Có ý thức giữ gìn các giá trị văn hóa cha ông để lại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

Máy tính, máy chiếu, Phiếu học tập, bảng nhóm, các công cụ đánh giá…

2. Học liệu

- SGK, kế hoạch bài dạy.
- Thiết kế bài giảng điện tử, tài liệu tham khảo.
- Video, clip, tranh ảnh liên quan đến bài học.
- Bút, giấy.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Huy động, kích hoạt kiến thức đã học trước đó và trải nghiệm của HS có liên quan đến nội dung bài học. Tạo tình huống có vấn đề để kết nối vào bài học.

b. Nội dung: GV chiếu cho học sinh một clip ngắn về nghiên cứu về vấn đề văn học trung đại Việt Nam.

c. Sản phẩm: Học sinh xem clip.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - HS xem video. - HS trả lời câu hỏi: Từ video đã xem, em hiểu thế nào về việc nghiên cứu về vấn đề văn học trung đại Việt Nam. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và trả lời câu hỏi. **B3. Báo cáo thảo luận** HS trả lời cá nhân. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV đánh giá, kết luận và giới thiệu bài mới.	**Câu trả lời của HS**

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Nội dung 1. TRI THỨC TỔNG QUÁT

a. Mục tiêu: HS nắm kiến thức nền tảng để thực hành nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học trung đại.

b. Nội dung: HS đọc SGK Chuyên đề trang 4-8 và nắm được những thông tin cơ về tri thức tổng quát.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và tri thức của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi HS đọc phần Tri thức tổng quát trong sách chuyên đề (trang 4-8). - HS nắm các ý trọng tâm. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS nắm các nội dung cơ bản. **B3. Báo cáo thảo luận** HS trình bày nội dung chính. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, đánh giá và kết luận. - HS gạch nội dung chính trong sách giáo khoa.	**Tri thức tổng quát** **1. Ngôn ngữ và chữ viết của văn học trung đại VN** Văn học viết Việt Nam thời trung đại chủ yếu sử dụng hai loại chữ chữ viết: chữ Hán và chữ Nôm **2. Diễn trình văn học trung đại Việt Nam** - VHTĐ VN vận động, phát triển theo sự chi phối đồng thời của lịch sử xã hội, lịch sử quốc gia dân tộc; sự vận động nội tại của đời sống ngôn ngữ và văn học. - Diễn trình của VHTĐVN gồm 4 giai đoạn: + Giai đoạn thế kỉ X-thế kỉ XIV + Giai đoạn thế kỉ XV-thế kỉ XVII + Giai đoạn đầu thế kỉ XVIII-nửa đầu thế kỉ XIX + Giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX **3. Một số xu hướng vận động chủ yếu của văn học trung đại VN** - Văn học viết bằng chữ Nôm ngày càng phát triển mạnh mẽ bên cạnh văn học viết bằng chữ Hán, tạo nên hiện tượng "song ngữ" độc đáo. - Từ đề tài, chủ đề quan phương đến các đề tài, chủ đề hướng vào sự đa dạng của đời sống. - Từ tri thức cung đình đến Nho sĩ bình dân. - Từ sáng tác mang tính chức năng đến sáng tác theo cảm hứng thẩm mĩ. - Từ khuynh hướng quy phạm, trang nhã đến khuynh hướng phá cách, bình dị. - Từ việc chỉ dùng thể loại vay mượn đến việc sáng

	tạo thêm các thể loại văn học mới. - Từ "văn - sử - triết bất phân" đến việc phân định ranh giới rõ nét giữa văn chương với các văn bản ngôn từ khác.

Nội dung 2: TẬP NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

a. Mục tiêu

- HS nắm được qui trình nghiên cứu một vấn đề VHTĐVN.
- Biết kết hợp những nội dung được học trong chương trình.
- Trình bày ngắn gọn, rõ ràng, lưu loát phần kết quả nghiên cứu.

b. Nội dung: GV chuyển giao yêu cầu qua phiếu học tập cho HS.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành được phiếu học tập với những yếu cầu kiến thức cơ bản.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Xác định đề tài, vấn đề, mục tiêu, nội dung, phương pháp nghiên cứu và lập kế hoạch nghiên cứu. **Hoạt động 1: Xác định đề tài, vấn đề, nghiên cứu** * GV hướng dẫn HS cách lựa chọn đề tài, vấn đề, mục tiêu, nội dung và kế hoạch nghiên cứu. **B1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập** GV hướng dẫn HS trả lời Phiếu học tập 1. **B2. Thực hiện nhiệm vụ học tập** HS hoàn thành phiếu học tập 1. **B3. Báo cáo kết quả và thảo luận** GV yêu cầu một số HS trình bày sản phẩm và nhận xét. **B4. Kết luận, nhận định** GV nhận xét, chốt ý. * Hướng dẫn HS cách xác định đề tài, vấn đề nghiên cứu. **B1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập** - GV hướng dẫn HS cách xác định đề tài, vấn đề nghiên cứu. - GV yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập 2. **B2. Thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS xác định hướng lựa chọn đề tài, vấn đề nghiên cứu (Thảo luận nhóm). - Đọc phần 1 (SGK trang 9,10). - Thực hiện các yêu cầu theo phiếu học tập 2. **B3. Báo cáo kết quả và thảo luận** Đại diện các nhóm trả lời các câu hỏi trong Phiếu học tập 2. **B4. Kết luận, nhận định** GV nhận xét, chốt ý. **Hoạt động 2: Xác định mục tiêu, nội dung nghiên cứu** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**	**I. Xác định đề tài, vấn đề, mục tiêu, nội dung, phương pháp nghiên cứu và lập kế hoạch nghiên cứu** **1. Xác định đề tài, vấn đề nghiên cứu** - Là một nội dung học tập trong chương trình cần được tìm hiểu sâu khi có điều kiện. - Được diễn đạt bằng hình thức cô đọng, ngầm chứa câu hỏi nghiên cứu cần được giải đáp. - Có tính khả thi trong điều kiện học tập. **2. Xác định mục tiêu, nội dung nghiên cứu** **2.1. Xác định mục tiêu nghiên cứu** a. Mục tiêu kiến thức - Liên quan trực tiếp đến nội dung đề tài, vấn đề nghiên cứu, có thể xác định mục tiêu ngay từ tên đề tài. b. Mục tiêu kĩ năng - Xác định những kĩ năng cơ bản cần hình thành khi thực hiện các khâu của quá trình tập nghiên cứu. - Liên quan đến kĩ năng mà việc thực hiện một đề tài cụ thể đòi hỏi. c. Mục tiêu về thái độ và giá trị - Từ việc triển khai đề tài nghiên cứu, HS hình thành, phát triển nhiều phẩm chất. - HS thụ hưởng nhiều giá trị sống. **2.2. Nội dung nghiên cứu** - Dự kiến những nội dung trọng tâm

HS biết cách xác định mục tiêu, nội dung nghiên cứu.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc phần 2 (SGK trang 11).
- Nhớ lại các mục tiêu nghiên cứu theo các khía cạnh đã học ở lớp 10.
- Trả lời câu hỏi: Làm thế nào để có thể xác định được nội dung nghiên cứu?

B3. Báo cáo thảo luận

HS trình bày sản phẩm.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện

GV nhận xét, chốt ý.

Hoạt động 3: Xác định phương pháp nghiên cứu

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

HS biết cách xác định phương pháp nghiên cứu.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

+ Học sinh đọc phần 3 (SGK trang 12).

+ Thảo luận cặp đôi, trả lời các câu hỏi:

? *Thế nào là PP nghiên cứu?*

? *Mục đích, yêu cầu khi lựa chọn PPNC.*

B3. Báo cáo thảo luận

HS trình bày sản phẩm.

B4: Đánh giá kết quả thực hiện

GV nhận xét, hướng dẫn HS gạch ý trong SGK.

Hoạt động 4: Lập kế hoạch nghiên cứu

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

HS biết cách Lập kế hoạch nghiên cứu.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

+ HS trả lời các câu hỏi sau:

? *Theo em, lập kế hoạch nghiên cứu là phải làm những gì?*

? *Lợi ích của việc lập kế hoạch nghiên cứu?*

B3. Báo cáo thảo luận

HS trả lời các câu hỏi.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện

- GV hướng dẫn HS tự đánh giá câu trả lời.
- GV chốt kiến thức.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu cách thu thập, xử lí và tổn hợp thông tin.

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia thành 4 nhóm: nhóm 1, 3 Thu thập, tra cứu và phân loại thông tin. Nhóm 2, 4 tìm hiểu về **xử lí và tổng hợp thông tin.**

nghiên cứu: Đề tài, vấn đề nghiên cứu có đặc điểm gì mới so với các đề tài về VHTĐVN đã biết? Đề tài, vấn đề nghiên cứu được triển khai theo bố cục nào? Cách thức thực hiện đề tài, vấn đề nghiên cứu? Ý nghĩa của đề tài, vấn đề?

- Từ nội dung trọng tâm hình thành hệ thống luận điểm của báo cáo nghiên cứu.

3. Xác định phương pháp nghiên cứu

- PP nghiên cứu.
- Mục đích, yêu cầu
- Một số PP nghiên cứu có thể sử dụng (SGK trang 12)

4. Lập kế hoạch nghiên cứu

- Dự kiến, hình dung, sắp xếp công việc theo trình tự thời gian hợp lý.

VD: Kế hoạch nghiên cứu – SGK tr.13.

II. Thu nhập, xử lí và tổng hợp thông tin

1. Thu thập, tra cứu và phân loại thông tin

a. Thu thập thông tin, tài liệu

Bạn cần trang bị cho mình những hiểu biết nhất định về các loại từ điển, sách công cụ; các tài liệu cung cấp ngữ liệu văn bản.

Một số loại từ điển và sách công cụ tra cứu về văn học trung đại:

- Từ điển Hán – Việt
- Từ điển văn học
- Từ điển điển cố văn học
- Các tổng hợp, hợp tuyển, tuyển tập,… văn học có liên quan đến nguồn ngữ liệu.

b. Tra cứu và phân loại thông tin, tài liệu

- Cần mở rộng phạm vi tìm tòi để có thể bao quát được nguồn tài liệu có liên quan. Các nguồn tư liệu và tài liệu cần khai thác: tư liệu điền dã tại di tích thờ tự liên quan đến tác giả, tài liệu của dòng họ tác giả; thư viện của các đơn vị, cơ quan hoặc thư viện, tủ sách cá nhân; những chỉ dẫn tìm kiếm trên internet, trang thông tin điện tử chính thức của

B2. Thực hiện nhiệm vụ

Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho các thành viên, ghi kết quả thảo luận vào bảng nhóm: Các bước triển khai báo cáo (chú ý bước tra cứu và phân loại thông tin, tài liệu)

B3. Báo cáo thảo luận

Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận của mình.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận.
- HS gạch nội dung chính trong sách giáo khoa.

Nhiệm vụ 3: Lựa chọn hình thức trình bày đề cương báo cáo nghiên cứu

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

HS xác định được hình thức trình bày đề cương báo cáo nghiên cứu bằng văn bản, lựa chọn được mẫu đề cương phù hợp.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS nắm được các yêu cầu, nguyên tắc chung của mẫu đề cương.
- Thảo luận đề xuất mẫu trình bày.

B3. Báo cáo thảo luận

HS trình bày sản phẩm.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận.
- HS gạch nội dung chính trong sách giáo khoa.

các cơ quan nghiên cứu và tổng mục lục của các tạp chí văn học, ngôn ngữ,…

- Với đề tài, vấn đề nghiên cứu có quá nhiều thông tin, trước hết bạn cần tra cứu, đọc lướt những tài liệu đáng tin cậy và bước đầu phân loại chúng (theo nội dung, tính chất tài liệu,…).

2. Xử lí và tổng hợp thông tin

a. Đọc, ghi chép, lựa chọn ngữ liệu

- Đây là công việc quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến kết quả của đề tài. Đọc để hình thành ý tưởng nghiên cứu, từ đó xây dựng, phát triển luận điểm là công việc diễn ra đầu tiên nhưng xuyên suốt quá trình thực hiện đề tài.
- Khi đã xác định đề tài, việc đọc sẽ có được một định hướng cơ bản; khi xây dựng đề cương nội dung nghiên cứu, việc đọc cần gắn liền với ghi chép, lựa chọn – sắp xếp các dẫn chứng để phục vụ cho việc triển khai luận điểm.

b. Đọc, ghi chép các ý kiến có thể được sử dụng làm trích dẫn

Mẫu phiếu ghi nội dung trích dẫn hoặc dẫn chứng dự kiến sử dụng:

(Số thứ tự hoặc kí hiệu phiếu: ghi theo nhu cầu, mục đích sử dụng)

- Phân loại: ghi thông tin phân loại trích dẫn, dẫn chứng theo yêu cầu của đề tài.
- Dự kiến sử dụng: dùng cho nội dung nào, luận điểm nào của báo cáo nghiên cứu.
- Mục đích của việc đưa ra trích dẫn: được dùng cho mục đích gì.
- Nội dung trích dẫn: sao nguyên văn nội dung ý kiến hoặc dẫn chứng dự định trích dẫn.
- Nguồn trích dẫn: sử dụng kí hiệu để có sự tương ứng với danh mục tài liệu tham khảo, ghi rõ số trang của nội dung trích dẫn tại tài liệu được trích dẫn.

c. Lập hồ sơ nghiên cứu

- Hồ sơ nghiên cứu bao gồm tất cả những tư liệu, tài liệu liên quan đến đề

	tài, vấn đề và sản phẩm nghiên cứu. Hồ sơ cần thực hiện, sắp xếp, lưu trữ một cách khoa học để có thể sử dụng lâu dài. - Cần phải phân loại, xử lí các tư liệu có được, sau đó tự đặt kí hiệu và sắp xếp theo một trình tự nhất định để thuận tiện trong sử dụng, lưu trữ. **III. Hình thức trình bày đề cương báo cáo nghiên cứu** - Yêu cầu về hình thức: SGK trang 16. - Trình bày trang bìa: SGK trang 16. - Trình bày nội dung đề cương báo cáo nghiên cứu: SGK trang 16, 17.

PHIẾU HỌC TẬP

Phiếu học tập 1

Nội dung	Những thông tin ban đầu	Bổ sung
Những yêu cầu để xác định đề tài, vấn đề?		
Những yêu cầu để xác định mục tiêu, nội dung nghiên cứu?		
Các bước lập kế hoạch nghiên cứu?		

Phiếu học tập 2

Nội dung	Những thông tin ban đầu	Bổ sung
Đề tài, vấn đề bạn lựa chọn có liên quan như thế nào đến nội dung, yêu cầu học tập của chương trình?		
Đề tài, vấn đề ấy đã có nhiều người nghiên cứu hay chưa? Bạn dự kiến cách triển khai và đóng góp của mình là gì?		
Bạn có khả năng tìm kiếm tài liệu từ những nguồn nào để phục vụ cho đề tài, vấn đề nghiên cứu?		
Các tác phẩm VHTĐ có rất nhiều bản dịch, phiên âm khác nhau. Bạn có kinh nghiệm gì hoặc dự kiến xin tư vấn của ai để có thể lựa chọn được văn bản tốt nhất?		

PHẦN 2
VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Giúp HS hiểu được các bước triển khai báo cáo nghiên cứu văn học trung đại theo từng loại đề tài: nghiên cứu một truyện cổ dân gian, nghiên cứu một bài hoặc một chùm ca dao, nghiên cứu một loại hình tượng hoặc một loại chi tiết trong tác phẩm văn học dân gian, nghiên cứu một lễ hội dân gian.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực đặc thù

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến các văn bản văn học trung đại Việt Nam.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.
- Vận dụng một số hiểu biết từ chuyên đề đọc hiểu để viết về văn học trung đại Việt Nam.
- Biết thuyết trình, trao đổi về một vấn đề văn học trung đại Việt Nam.

3. Phẩm chất

- Trân trọng, giữ gìn những tác phẩm văn học trung đại Việt Nam.
- Có trách nhiệm với công việc của mình.
- Có ý thức giữ gìn các giá trị văn hóa cha ông để lại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, Phiếu học tập, bảng nhóm, các công cụ đánh giá…

2. Học liệu

- SGK, kế hoạch bài dạy.
- Thiết kế bài giảng điện tử, tài liệu tham khảo.
- Video, clip, tranh ảnh liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Huy động sự hiểu biết, trải nghiệm và vốn sống của bản thân để trả lời câu hỏi nhằm xác định được sự khác nhau giữa viết báo cáo nghiên cứu và viết nghị luận xã hội.

b. Nội dung: GV chiếu hai hình ảnh liên quan hai loại văn bản, yêu cầu HS so sánh sự khác nhau và gọi tên văn bản.

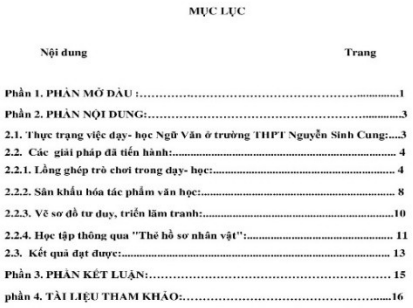

MỤC LỤC

Nội dung Trang

Phần 1. PHẦN MỞ ĐẦU :.....1
Phần 2. PHẦN NỘI DUNG:.....3
2.1. Thực trạng việc dạy- học Ngữ Văn ở trường THPT Nguyễn Sinh Cung:....3
2.2. Các giải pháp đã tiến hành:.....4
2.2.1. Lồng ghép trò chơi trong dạy- học:.....4
2.2.2. Sân khấu hóa tác phẩm văn học:.....8
2.2.3. Vẽ sơ đồ tư duy, triển lãm tranh:.....10
2.2.4. Học tập thông qua "Thẻ hồ sơ nhân vật":.....11
2.3. Kết quả đạt được:.....13
Phần 3. PHẦN KẾT LUẬN:.....15
phần 4. TÀI LIỆU THAM KHẢO:.....16

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - HS quan sát 2 hình ảnh chiếu trên màn hình. - GV yêu cầu HS so sánh sự khác nhau của 2 loại văn bản. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS quan sát, ghi chép và trả lời câu hỏi. **B3. Báo cáo thảo luận** HS trả lời cá nhân. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV đánh giá, kết luận và giới thiệu bài mới.	**Câu trả lời của HS**

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI
Nội dung 1. TÌM HIỂU CÁCH TRIỂN KHAI BÁO CÁO

a. Mục tiêu

- HS huy động các tri thức, kĩ năng đã học ở phần 1 của chuyên đề 1 để tìm hiểu về các bước triển khai báo cáo về một số dạng đề tài cụ thể.
- Biết phân tích, lí giải được các phần, nội dung trong các văn bản tham khảo được cho trong sách chuyên đề.

b. Nội dung

- HS làm việc theo nhóm: đọc trước sách chuyên đề, xác định các bước triển khai báo cáo.

- Đọc các bài báo cáo thao khảo trong sách, phân tích được những nội dung, xác định được các vấn đề trọng tâm của bài báo cáo.

c. Sản phẩm

- Bảng nhóm - sản phẩm làm việc nhóm.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Hoạt động 1: Tìm hiểu cách triển khai báo cáo nghiên cứu theo từng loại đề tài **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** - GV chia thành 4 nhóm: nhóm 1, 3 tìm hiểu về đề tài 1; Nhóm 2,4 tìm hiểu về đề tài 2. - Ở bước 2: Mỗi nhóm hãy lập đề cương cho đề tài mình đã chọn, thu thập thông tin ở các tiết trước. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho các thành viên, ghi kết quả thảo luận vào bảng nhóm: Các bước triển khai báo cáo (chú ý bước lập đề cương). **B3. Báo cáo thảo luận** Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận của mình. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, đánh giá và kết luận. **Hoạt động 2: Tìm hiểu các văn bản tham khảo** B1: **Chuyển giao nhiệm vụ** - GV yêu cầu HS đọc trước văn bản ở nhà, chú ý đến các box hướng dẫn đọc để tham khảo cách thức triển khai nội dung báo cáo nghiên cứu theo từng loại đề tài. - GV chia lớp thành 2 nửa, dãy bên phải thảo luận về bài 1, dãy bên trái thảo luận về bài 2. Các dãy sẽ thảo luận theo cặp đôi ngồi cạnh nhau theo gợi ý sau: **1. Bài thơ *Thuật hoài* của Trần**	**I. Cách triển khai báo cáo nghiên cứu theo từng loại đề tài** **1. Nghiên cứu theo hướng "giải mã", phân tích giá trị của một tác phẩm hoặc đoạn trích văn học trung đại** **Bước 1: Chuẩn bị** - Kiểm tra lại, hệ thống hóa kết quả công việc đã thực hiện bước thu thập, xử lí ngữ liệu. - Xác định đề tài, sắp xếp các ý kiến trích dẫn theo nhóm vấn đề. **Bước 2: Tìm ý, lập đề cương** **Ví dụ: Đề tài:** Bài thơ "Cảnh ngày hè" của Nguyễn Trãi - Tấm lòng yêu nước thương dân của Ức Trai. * Đặt vấn đề**:** - Giới thiệu tác giả Nguyễn Trãi. - Giới thiệu khái quát *Cảnh ngày hè.* * Giải quyết vấn đề: - Giới thiệu về tập thơ "Quốc âm thi tập". + Tập thơ Nôm sớm nhất hiện còn. + Gồm có 254 bài, chia 4 phần, mỗi phần có nhiều mục + Giá trị: ++ Nội dung: phản ánh vẻ đẹp con người Nguyễn Trãi. ++ Nghệ thuật: Thất ngôn Đường luật xen lẫn lục ngôn. - Giới thiệu chung về bài thơ *Cảnh ngày hè.* + Xuất xứ: là bài 43 trong 61 bài thơ thuộc mục *Bảo kính cảnh giới* của *Quốc âm thi tập.* + Thể thơ: Thất ngôn xen lẫn lục ngôn. + Bố cục: 2 phần: ++ 6 câu đầu: Bức tranh thiên nhiên, cuộc sống ngày hè. ++ 2 câu cuối: Nỗi lòng của tác giả. - Giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ. + Sáu câu thơ đầu: ++ Bức tranh thiên nhiên tươi đẹp, sinh động và đầy sức sống được thể hiện qua các hình ảnh hòe, thạch

Quang Khải-Tác phẩm tiêu biểu cho hào khí Đại Việt thời Trần - Bố cục báo cáo gồm mấy phần? Nội dung chính từng phần? - Việc tập hợp và phân tích các dị bản có ý nghĩa gì? - Việc so sánh, đối chiếu các bản dịch nhằm mục đích gì? - Trong khi triển khai các luận điểm, báo cáo có những điểm nào đáng chú ý? **2. "Chí nam nhi" trong bài thơ Thuật hoài của Phạm Ngũ Lão.** - Hình thức bài có gì đặc biệt? - Bài viết tập trung vào phần nào? - Bài viết có sử dụng các thao tác nào? - Cách triển khai các luận điểm như thế nào? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** - Các cặp đôi thảo luận theo gợi ý câu hỏi ở trên. - Trình bày ngắn gọn vào giấy. **B3: Báo cáo thảo luận** GV gọi một số cặp đôi trình bày trước lớp kết quả thảo luận của nhóm mình. **B4: Đánh giá kết quả** - GV cho HS tự đánh giá phần trình bày các nhóm. - GV kết luận, nhận định.	lựu, liên...; các từ ngữ đùn đùn, phun, giương...; nhịp thơ linh hoạt; thể hiện bằng nhiều giác quan như thị giác, khứu giác ++ Bức tranh cuộc sống thanh bình, yên ả được thể hiện qua hình ảnh chợ cá, âm thanh tiếng ve; các từ láy lao xao, dắng dỏi; biên pháp tu từ đảo ngữ, đối... + Hai câu cuối Câu lục ngôn cùng với điển tích: dồn nén cảm xúc, điểm kết tụ tâm hồn Ức Trai: lòng yêu nước thương dân. - So sánh với các bài thơ khác trong tập *Quốc âm thi tập* để thấy rõ tấm lòng tác giả với dân với nước. * Kết luận: + Khẳng định giá trị đặc sắc của bài thơ. + Đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo. - Tài liệu tham khảo. **Bước 3: Viết** - Từ ngữ linh hoạt song phải chính xác. - Diễn đạt đa dạng, câu văn linh hoạt, văn phong rõ ràng, mạch lạc. - Chú ý Cách đưa dẫn chứng, trích dẫn phù hợp, xác thực, không dài dòng. - Sử dụng các biểu đồ, sơ đồ tư duy, hình ảnh, bảng biểu.... sẽ làm cho bài viết thuyết phục hơn. **Bước 4: Chỉnh sửa, hoàn thiện** Nội dung: - Kiểm tra lại hệ thống ý, luận điểm để kịp thời điều chỉnh. - Kiểm tra sự phù hợp các dẫn chứng, số liệu, hình ảnh minh họa.. Hình thức và ngôn ngữ: - Rà soát các câu văn, đoạn văn...để phát hiện các lỗi chính tả, ngữ pháp cần chỉnh sửa. - Kiểm tra các trích dẫn, tài liệu tham khảo.... **2. Nghiên cứu một loại hình tượng hoặc một phương diện giá trị nội dung tư tưởng trong một hoặc một nhóm tác phẩm văn học trung đại** **Bước 1: Chuẩn bị** - Căn cứ đề tài đã chọn kiểm tra lại các thông tin, các dẫn chứng, số liệu... - Lựa chọn các ý kiến trích dẫn xác đáng. **Bước 2: Tìm ý, lập đề cương** **Ví dụ: Đề tài:** Thể thơ thất ngôn Đường luật đã được Nguyễn Trãi sử dụng thuần thục như một thể thơ dân

	tộc trong bài thơ ***Cảnh ngày hè.*** * Đặt vấn đề Giới thiệu về sự vận dụng thuần thục thể thơ thất ngôn Đường luật của Nguyễn Trãi. * Giải quyết vấn đề - Khái quát chung về thể thơ Đường luật. + Khái niệm + Nguồn gốc + Phân loại + Đặc điểm - Thể thơ Đường luật được Nguyễn Trãi sử dụng trong bài thơ *Cảnh ngày hè.* + Thể thơ: Thất ngôn xen lẫn lục ngôn (câu đầu và câu cuối là lục ngôn): sự dồn nén cảm xúc. + Nhịp: 1/2/4; 2/2/3 rồi 3/4, 4/3: linh hoạt và sáng tạo. + Vần: Gieo vần ương ở câu 1,2, 4,6,8. + Đối: câu 5 và 6. + Biện pháp tư từ: đảo ngữ. - Đánh giá chung: + Nguyễn Trãi vận dụng linh hoạt và sáng tạo thể thơ thất ngôn Đường luật, điều này thể hiện ở rất nhiều bài thơ trong tập *Quốc âm thi tập.* + Tác dụng: bài thơ cô đọng, giản dị, ý thơ mạnh mẽ phù hợp việc thể hiện cảm xúc, những mong muốn quyết tâm nhà thơ. + Cách ngắt nhịp phong phú nhằm diễn đạt tình cảm tinh tế, sâu sắc. + Với sự cách tân này, Nguyễn Trãi dần phá vỡ những khuôn thước quy phạm của Đường thi để phù hợp với ngôn ngữ và đời sống dân tộc. * Kết luận * Tài liệu tham khảo **Bước 3: Viết** Dựa vào đề cương, viết báo cáo. **Bước 4: Chỉnh sửa và hoàn thiện** **-** Đọc lại và bổ sung**,** hoàn thiện bài. **II. Tìm hiểu các văn bản tham khảo** **1. Bài thơ *Thuật hoài* của Trần Quang Khải - Tác phẩm tiêu biểu cho hào khí Đại Việt thời Trần** - Bố cục 4 phần: + Phần mở đầu: Lí do chọn đề tài, mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu. + Nội dung chính: Tác giả và hoàn cảnh sáng tác, một

	số vấn đề về văn bản, giải mã văn bản. + Kết luận: Đánh giá, nhận xét chung, tài liệu tham khảo. + Tài liệu tham khảo. - Tập hợp và phân tích các dị bản: năm dị bản nguyên văn chữ Hán, năm bản phiên dịch.Việc phân tích, nhận định để xác định văn bản tin cậy, có khả năng gắn với nguyên tác nhất. - So sánh, đối chiếu các bản dịch để nhận ra các ưu điểm-khuyết điểm của từng bản. - Một số điểm đáng chú ý trong việc triển khai luận điểm: + Dẫn giải chi tiết về các dị văn, dị bản; kèm với việc tìm tòi để cung cấp hình ảnh minh chứng văn bản, giúp xác thực và và kiểm chứng các thông tin được trình bày. + Các luận điểm đều trình bày theo trình tự thời gian, tôn trọng nguyên văn của tư liệu. + Trình bày quan điểm riêng của từng khía cạnh, kết hợp với phân tích và biện luận. + Căn cứ vào cấu trúc lập luận, vào mạch thơ để phân tích, lí giải các khía cạnh nổi bật của nội dung và nghệ thuật tác phẩm. **2. "Chí nam nhi" trong bài thơ Thuật hoài của Phạm Ngũ Lão** - Đây là bài viết phân tích, đánh giá của một GV nên không có hình thức, cấu trúc của một báo cáo nghiên cứu. - Bài viết tập trung phân tích một khía cạnh nội dung, tư tưởng trong một bài thơ ngắn, nhưng là khía cạnh trung tâm có liên quan đến tất cả các phương diện khác của tác phẩm. - Bài viết có sử dụng các thao tác: phân tích, khảo chứng, so sánh, bình giảng... - Cách triển khai các luận điểm theo mạch nội dung của tác phẩm.

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN CÁC NHÓM

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Chỉ ra được hình thức của bài viết tham khảo		
2	Trình bày được nội dung của bài viết tham khảo		
3	Chỉ ra được cách triển khai luận điểm trong bài viết tham khảo		
4	Cách thức trình bày để lại ấn tượng sâu sắc		

Nội dung 2: HƯỚNG DẪN HS VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VÀ THUYẾT

TRÌNH KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

a. Mục tiêu

- HS viết báo cáo theo đề tài đã chọn.
- Bám sát cấu trúc bài báo cáo, đủ dung lượng, đúng thời gian.
- Trình bày ngắn gọn, rõ ràng, lưu loát phần kết quả nghiên cứu.

b. Nội dung

- HS có thể lựa chọn 1 trong hai đề tài đã lập đề cương trong các tiết trước hoặc chọn một đề tài khác thuộc văn học trung đại Việt Nam để viết.
- Báo cáo được đánh máy, in và nộp lại cho GV.

c. Sản phẩm: Báo cáo nghiên cứu của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Hoạt động 1: Thực hiện viết báo cáo nghiên cứu **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV hướng dẫn - Bám sát hướng dẫn sách chuyên đề để viết. - Chú ý: diễn dải các ý thành đoạn văn rồi kết nối thành bài hoàn chỉnh. - HS đánh máy, căn chỉnh văn bản theo quy định tiết trước. Dung lượng đảm bảo: 1000 đến 1500 chữ. - Ngôn ngữ đúng văn phong khoa học. - Kết cấu: Bài viết có đủ 4 phần: Mở đầu, nội dung chính, kết luận và tài liệu tham khảo. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS viết báo cáo cá nhân. - Trong quá trình HS thực hiện việc viết báo cáo nghiên cứu, GV tiếp tục kết nối, theo dõi, giải đáp thắc mắc, trợ giúp để HS hoàn thành nhiệm vụ. **B3. Báo cáo thảo luận** HS sẽ báo cáo trên lớp vào các tiết sau. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá dựa trên báo cáo của HS. **Hoạt động 2: Thuyết trình kết quả báo cáo nghiên cứu** **B1: Chuyển giao nhiệm vụ** Hs báo cáo kết quả nghiên cứu của mình trước lớp. **B2: Thực hiện nhiệm vụ** + HS tóm lược bài viết thành bản tóm tắt, nhấn mạnh những luận điểm then chốt, những ý kiến riêng. + Để phần trình bày sinh động, hấp dẫn hơn, trong điều kiện cho phép, khuyến khích HS sử dụng máy chiếu, màn hình, bảng phụ,... **B3: Báo cáo thảo luận** - Lưu ý: diễn đạt rõ ràng, chính xác, tốc độ nói và âm lượng vừa	**I. Viết báo cáo** **II. Thuyết trình** 1. Chuẩn bị 2. Trình bày 3. Trao đổi 4. Tiếp thu ý kiến, rút kinh nghiệm

phải, dễ nghe. - Phối hợp sử dụng các phương tiện nghe nhìn một cách nhịp nhàng. - Lựa chọn tư thế, tác phong phù hợp (đĩnh đạc, tự tin, thân thiện). **B4: Đánh giá kết quả thực hiện** GV hướng dẫn HS tự đánh giá, đánh giá chéo.	

Nội dung 3: HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ BÀI VIẾT

a. Mục tiêu
- HS tự đánh giá được bài viết của mình.
- HS đánh giá được bài viết của bạn.

b. Nội dung
HS đánh giá theo tiêu chí rubric.

c. Sản phẩm: bảng rubric đánh giá của HS.

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ
GV hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá chéo (xếp loại) theo tiêu chí sau:

Bảng rubric đánh giá bài viết của HS

STT	Tiêu chí	Mức 3	Mức 2	Mức 1
1	Đề tài và phương pháp thao tác nghiên cứu	Đề tài hấp dẫn, phù hợp có tính mới, có giá trị ứng dụng cao, sử dụng thành thạo các phương pháp, thao tác nghiên cứu	Đề tài phù hợp, tương đối hấp dẫn, có giá trị ứng dụng, sử dụng phương pháp, thao tác nghiên cứu còn chưa thành thạo	Đề tài chưa phù hợp, ít giá trị ứng dụng, chưa biết sử dụng phương pháp, thao tác nghiên cứu
2	Hệ thống luận điểm và cách trình bày vấn đề nghiên cứu	Hệ thống luận điểm phong phú, logic; xác định đúng vấn đề trọng tâm; biết cách triển khai trình bày vấn đề một cách rõ ràng	Hệ thống luận điểm tương đối đầy đủ, đảm bảo logic nhất định; xác định đúng vấn đề trọng tâm, nhưng trình bày vấn đề chưa rõ ràng	Hệ thống luận điểm còn đơn giản; chưa xác định đúng vấn đề trọng tâm; chưa biết triển khai trình bày vấn đề
3	Quan điểm và thái độ của người viết	Thể hiện rõ quan điểm và thái độ của người viết về những nội dung nổi bật của đối tượng nghiên cứu	Có thể hiện quan điểm và thái độ của người viết, nhưng cách thể hiện chưa thực sự thuyết phục	Chưa thể hiện được quan điểm và thái độ của người viết hoặc quan điểm, thái độ chưa được diễn giải rõ ràng
4	Sử dụng lí lẽ,	Sử dụng các lí lẽ,	Có sử dụng lí lẽ,	Chưa biết cách sử

	bằng chứng	bằng chứng xác đáng, phù hợp; phương pháp lập luận logic, chặt chẽ, đạt hiệu quả cao	bằng chứng và biết cách lập luận để củng cố cho các luận điểm nhưng chưa thật sự hiệu quả	dụng lí lẽ, bằng chứng; chưa biết cách lập luận
5	Tổ chức bài viết	Bài viết được tổ chức hoàn chỉnh, gồm: Đặt vấn đề, giải quyết vấn đề, kết luận và tài liệu tham khảo	Bài viết có đủ các phần chính nhưng chưa thể hiện rõ yêu cầu từng phần	Bài viết chưa được tổ chức hoàn chỉnh, các phần trình bày không rõ ràng
6	Sử dụng các phương thức liên kết	Sử dụng chính xác và hiệu quả các phương thức liên kết câu, đoạn văn giúp bài viết rõ ràng	Sử dụng phù hợp các phương thức liên kết câu, đoạn văn giúp người đọc dễ hiểu	.Có sử dụng một số phương thức liên kết câu, đoạn văn nhưng chưa mạch lạc
7	Cách dùng từ, đặt câu	Không mắc lỗi dùng từ, đặt câu hoặc chỉ mắc 1,2 lỗi không đáng kể	Mắc một vài lỗi dùng từ, đặt câu (3-5 lỗi)	Mắc khá nhiều lỗi dùng từ, đặt câu (6 lỗi trở lên)
8	Trình bày bài viết	Trình bày rõ ràng, đúng quy cách, không mắc lỗi chính tả	Còn mặc 2-3 lỗi chính tả; trình bày bài viết đúng quy cách nhưng chưa sạch đẹp	Mắc nhiều lỗi chính tả; trình bày bài viết không đúng quy cách

B2: Thực hiện nhiệm vụ

Dựa vào rubric HS tham gia đánh giá bằng cách nhận xét, trao đổi, góp ý sau mỗi báo cáo hoặc phát biểu bình chọn, xếp loại cuối buổi, hoặc làm phiếu đánh giá với các mức độ khác nhau.

B3: Báo cáo kết quả

- HS báo cáo kết quả tự đánh giá và đánh giá chéo.

B4: Kết luận, nhận định

- GV đánh giá phần trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu và phần đánh giá của HS cho nhau, có thể xếp loại công khai ngay tại lớp.
- GV cho điểm và trả bài, sửa lỗi.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu

Học sinh có thể tự phân tích, đánh giá được một bài báo cáo đã được viết trước đó.

b. Nội dung

- HS tìm đọc một số đề tài báo cáo đã được viết hoàn chỉnh, đọc và đánh giá về hình thức và nội dung của báo cáo.
- HS rút ra được ưu điểm và khuyết điểm (nếu có) của báo cáo.

Ví dụ đề tài:

1. Chất trữ tình và màu sắc anh hùng ca trong Bạch Đằng giang phú của Trương Hán Siêu – Nguyễn Hữu Sơn.
2. Hình ảnh con người trong văn học trung đại Việt Nam.

c. Sản phẩm: phần đánh giá của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

- HS chọn một bài báo cáo nghiên cứu về văn học trung đại Việt Nam.
- HS đọc và phân tích, đánh giá về bài báo cáo.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tự lựa chọn một báo cáo mà mình thích.
- Đọc, tìm hiểu về nội dung và hình thức của báo cáo.
- HS phân tích, đánh giá về bài báo cáo.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần nghiên cứu, đánh giá của mình.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV và HS khác nhận xét, đánh giá và chia sẻ các bài nghiên cứu tốt để HS tham khảo.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh nghiên cứu, viết báo cáo về một vấn đề mà mình thích

b. Nội dung

- HS lựa chọn đề tài, thu thập tài liệu, sắp xếp tài liệu về theo tiêu chí đặt ra.
- HS biết nghiên cứu, vận dụng các kiến thức kĩ năng đã có để tiến hành viết báo cáo.

c. Sản phẩm: Bài báo cáo của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

GV khuyến khích HS tự thu thập thông tin, tìm hiểu và viết báo cáo về vấn đề mà mình thích

Gợi ý một số đề tài sau:

- Ý nghĩa của chi tiết cái bóng trong "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ.
- Cảm xúc mùa thu trong bài Thu hứng của Đỗ Phủ và bài Thu Vịnh của Nguyễn Khuyến.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hiện thảo luận, tìm hiểu và viết bài.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh có thể nộp kết quả nghiên cứu của mình cho GV.

Bước 4. Kết luận, nhận định

Gv đọc, đánh giá và cộng điểm cho HS nộp bài.

4. Củng cố

5. Hướng dẫn về nhà

Ngày soạn: 8/8/2023

CHUYÊN ĐỀ 2: TÌM HIỂU NGÔN NGỮ TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

PHẦN 1: BẢN CHẤT XÃ HỘI- VĂN HÓA CỦA NGÔN NGỮ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Bản chất xã hội của ngôn ngữ.
- Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo…

b. Năng lực đặc thù

- Hiểu được ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội và là một bộ phận cấu thành của văn hóa.
- Nhận biết và đánh giá được các yếu tố mới của ngôn ngữ trong đời sống xã hội đương đại.
- Biết vận dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ đương đại trong giao tiếp.

3. Về phẩm chất: Chăm chỉ, yêu nước (Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt).

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính kết nối internet.

2. Học liệu: Phiếu học tập, tranh ảnh, sơ đồ minh họa có liên quan đến nội dung bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ: GV kiểm tra việc việc chuẩn bị bài học ở nhà của học sinh.

3. Bài mới

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới.

b. Nội dung: GV tổ chức cho hs tham gia trả lời các câu hỏi xoay quanh hiện tượng xã hội và ngôn ngữ (nội dung trao đổi trong sgk, tr 35).

c. Sản phẩm: Câu trả lời và thái độ hợp tác của hs.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ: + Gió, mưa, nắng,…là hiện tượng tự nhiên; còn lễ hội, cưới hỏi, thờ cúng,…là hiện tượng xã hội. Hãy nêu một số ví dụ về hiện tượng xã hội và thử giải thích cơ sở để bạn coi đó là những hiện tượng xã hội. + Bạn đang học ngoại ngữ nào? Qua ngoại ngữ đó, bạn biết gì về đời sống vật chất, phong tục tập quán, đặc điểm tâm lí, …của người bản ngữ? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, gợi ý. **B3. Báo cáo thảo luận:** - HS trả lời câu hỏi. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài.	**Câu trả lời của học sinh**

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu bản chất xã hội của ngôn ngữ

a. **Mục tiêu**: Hiểu bản chất xã hội của ngôn ngữ.

b. Nội dung: Hs trao đổi thảo luận câu hỏi, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ * GV chuyển giao nhiệm vụ: - Hs đọc nội dung mục 1- sgk, tr 35-36. - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm. Chia lớp thành 4 hoặc 6 nhóm, thảo luận 2 câu hỏi SGK, tr 36. * HS tiếp nhận nhiệm vụ. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS các nhóm tiến hành thảo luận, ghi chép kết quả. - GV quan sát, hỗ trợ nhóm HS gặp khó khăn (nếu cần thiết). **B3. Báo cáo thảo luận** GV gọi đại diện 1-2 nhóm trả lời, các em khác nhận xét, bổ sung. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện** - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.	- Câu trả lời của HS. - Gợi ý: **Câu 1: Mối quan hệ tác động qua lại giữa ngôn ngữ và xã hội.** + Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất giữa các thành viên trong một cộng đồng. + Ngôn ngữ và xã hội là điều kiện tồn tại của nhau. Nếu không có ngôn ngữ thì không có xã hội, ngược lại, nếu không có xã hội thì ngôn ngữ cũng không thể tồn tại. **Câu 2: Khả năng sử dụng ngôn ngữ của con người.** - Khả năng sử dụng ngôn ngữ là đặc điểm có tính "bẩm sinh" của con người. + Từ "bẩm sinh" không được dùng theo cách hiểu thông thường. + Khả năng sử dụng ngôn ngữ của con người chỉ được thể hiện trong môi trường xã hội. -> Ngôn ngữ khác về cơ bản với những hiện tượng có tính chất bản năng ở con người.

Nội dung 2: Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa

a. **Mục tiêu**: HS nắm được vai trò của ngôn ngữ với văn hóa; ảnh hưởng của văn hóa với ngôn ngữ và sự đa dạng của ngôn ngữ, văn hóa.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ trên cơ sở hs đã chuẩn bị bài ở nhà. + Hs thảo luận nhóm (7 phút, thống nhất các vấn đề mỗi cá nhân đã thực hiện nhiệm vụ ở nhà), trả lời các câu hỏi: (1) Em hiểu thế nào về khái niệm "Văn hóa"? Vì sao nói ngôn ngữ là một bộ phận cấu thành quan trọng của văn hóa? (2) Trình bày một số biểu hiện của dấu ấn văn hóa Việt trong tiếng Việt. (Hs dựa mục 2.b để lấy ví dụ). (3) Nêu sự khác biệt về cách dùng từ xưng hô giữa tiếng Việt với ngôn ngữ khác mà em biết. Hãy nhận xét về sự khác biệt đó. (4) Em có suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa sự đa dạng của ngôn ngữ và sự đa dạng của văn hóa?	**a. Vai trò của ngôn ngữ đối với văn hóa** - Ngôn ngữ là một phần thiết yếu trong đời sống tinh thần phong phú của mỗi cộng đồng người, tức một phần không thể thiếu của văn hóa. Khó có thể hiểu đầu đủ về văn hóa của một dân tộc nếu không tìm hiểu về ngôn ngữ của dân tộc đó. - Ngôn ngữ là phương tiện cơ bản, phổ biến để biểu đạt và lưu giữ các giá

Câu hỏi gợi ý: *- Nếu chúng ta hướng tới một tương lai mà trong đó tất cả mọi người đều nói một số ít ngôn ngữ lớn, liệu có phải là một điều tốt? Liệu đó có thể là một cách để tạo điều kiện cho giao tiếp và một sân chơi bình đẳng giữa các quốc gia? Có phải mong muốn cứu những ngôn ngữ nhỏ bé hoàn toàn là tình cảm?* *- Em nghĩ gì về tình trạng biến mất của nhiều ngôn ngữ trên thế giới? Khi một ngôn ngữ bị mất đi thì những gì sẽ mất theo? Em có đồng ý với nhận định của Ano- xtây- xi- a Ri- en: "Một thế giới đa dạng về mặt ngôn ngữ mang lại lợi ích cho tất cả chúng ta" hay không? Vì sao? Theo em, thế giới cần làm gì để cứu vãn tình trạng nhiều ngôn ngữ bị biến mất?* **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - Hs trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, hỗ trợ. **B3. Báo cáo thảo luận:** - GV gọi đại diện 1-2 nhóm trả lời cho 1 câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu cần thiết). - Các nhóm cử đại diện trả lời, nhận xét. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	trị về văn học, nghệ thuật, tôn giáo, tín ngưỡng,… Thông qua ngôn ngữ, có thể hiểu về các bộ phận cấu thành khác của văn hóa. **b. Ảnh hưởng của văn hóa đối với ngôn ngữ** Dấu ấn của văn hóa Việt trong tiếng Việt thể hiện qua các từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm trong đời sống hoặc qua từ ngữ xưng hô. (Hs chỉ ra sự khác biệt về cách dùng từ xưng hô giữa tiếng Việt và ngôn ngữ khác). **c. Sự đa dạng của ngôn ngữ và sự đa dạng của văn hóa** Do mối quan hệ khăng khít giữa ngôn ngữ và văn hóa nên sự đa dạng của ngôn ngữ nhân loại là những biểu hiện của sự đa dạng về văn hóa trên thế giới.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu**: củng cố, vận dụng kiến thứu đã học.
b. Nội dung: Hs làm các bài tập trong SGK phần Luyện tập.
c. Sản phẩm: bài làm của học sinh
d. Tổ chức thực hiện:
*** Chuẩn bị viết**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ (Sử dụng kĩ thuật nhóm chuyên gia: chia lớp thành 6 nhóm. HS làm việc nhóm ở nhà, hoàn thành nhiệm vụ của nhóm sau khi mỗi cá nhân tự làm các bài tập). + Nhóm 1,2 làm bài tập 1. + Nhóm 3,4 làm bài tập 2. + Nhóm 5,6 làm bài tập 3. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** **B3. Báo cáo thảo luận** **B4. Đánh giá kết quả thực hiện**	**1. Bài tập 1** Gợi ý: - Những ngôn ngữ được nhiều người sử dụng với tư cách là tiếng mẹ đẻ nhất: tiếng Trung, tiếng Anh, tiếng Hinđi và Urdu, tiếng Ả Rập… - Những ngôn ngữ được sử dụng ở nhiều quốc gia nhất: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha… - Những ngôn ngữ được dùng làm ngôn ngữ chính thức ở nhiều quốc gia nhất: tiếng Anh, tiếng Pháp… **2. Bài tập 2:** HS có thể dùng biểu đồ hình cột với một số nội dung sau:

	- Tên: Số lượng ngôn ngữ ở các khu vực trên thế giới. - Cột dọc: số lượng ngôn ngữ (đơn vị từ 0 đến nghìn) - Cột ngang: Khu vực (Châu Á, Châu Phi, Thái Bình Dương, Châu Mỹ, Châu Âu). (Học sinh cũng có thể sử dụng biểu đồ hình tròn %) **3. Bài tập 3: Một số hiện tượng trong ngôn ngữ thể hiện đặc điểm văn hóa của dân tộc. Ví dụ trong tiếng Việt:** - Từ "Tổ quốc" xuất phát từ đời sống nông nghiệp, kết hợp từ "Đất" và "nước" biểu đạt ý nghĩa cao cả, thiêng liêng. "Đồng bào" gắn với truyền thuyết "Con Rồng cháu Tiên". - Thành ngữ: "Cơm no áo ấm", "Cơm lành canh ngọt", "Cơm áo gạo tiền", "Cơm bưng nước rót", ... xuất phát từ thực tế đời sống vật chất, tinh thần của người Việt…

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (thực hành viết)
(có thể tiến hành trên lớp hoặc giao bài tập HS hoàn thiện ở nhà)

a. **Mục tiêu**: vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập .

b. Nội dung: sử dụng kiến thức đã học viết đoạn văn theo yêu cầu bài tập 4 trong sgk, tr 41.

c. Sản phẩm: Bài làm của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ, hs làm việc cá nhân: Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ nếu ý kiến của em về một vấn đề liên quan đến nội dung Phần 1, Chuyên đề 2: (Hs lựa chọn 1 trong các vấn đề sau: (1)- Việc dụng tiếng Anh như ngôn ngữ toàn cầu. (2)- Khả năng phổ biến của E-xpê-ran- tô (Esperanto- quốc tế ngữ). - Hs nhận nhiệm vụ. - Phần thuyết trình: gv nhóm các học sinh cùng 1 vấn đề vào 1 nhóm, có thể chia thành nhiều nhóm nhỏ, các em trao đổi, thống nhất trên cơ sở bài làm cá nhân. Gv gọi đại diện 1 vài nhóm nhỏ trình bày sản phẩm của mình, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. (lưu ý sản phẩm thuyết trình không hoàn toàn là nội dung đoạn văn đã chuẩn bị, có thể thuyết minh, giải thích, mở rộng vấn đề. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Hs thực hiện nhiệm vụ. **B3. Báo cáo thảo luận:**	**Gợi ý:** *** Với vấn đề (1)** Nội dung bàn luận có thể xoay quanh việc trả lời một số câu hỏi: - Tiếng Anh hiện đang được dùng rộng rãi như thế nào trên thế giới? - Việc dùng tiếng Anh như vậy mang lại lợi ích và tác hại gì không? - Theo bạn, có nên dùng tiếng Anh thay thế cho tiếng mẹ đẻ để dạy học trong nhà trường không? Vì sao? - Có nhiều người cho rằng một số nước phát triển nhanh nhờ dùng tiếng Anh thay thế cho tiếng mẹ đẻ, bạn có bình luận gì về ý kiến đó?... *** Với vấn đề (2)** - Quốc tế ngữ là gì? - Bạn đánh giá như thế nào về triển vọng phát triển, phổ biến của quốc tế ngữ? Dựa vào cơ sở nào bạn có đánh giá như vậy?...

- Hs báo cáo việc hoàn thành nhiệm vụ. - Hs đại diện các nhóm trình bày sản phẩm. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Gv nhận xét, đánh giá.	

4. Củng cố: nắm vững toàn bộ kiến thức cơ bản Phần 1.
5. HDVN: Tìm hiểu nội dung Phần 2 (đọc và trả lời các câu hỏi trong mỗi nội dung).

Tiết:

CHUYÊN ĐỀ 2 (Phần 2)
SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NGÔN NGỮ TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI
(2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Khám phá thêm những từ ngữ mới được sử dụng hiện nay.
- Nắm bắt cách sử dụng hệ thống những từ ngữ mới cho phù hợp trong từng hoàn cảnh cụ thể.

2. Về năng lực

- Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, trao đổi giữa các cá nhân, các nhóm.
- Năng lực riêng: đánh giá được các hiện tượng ngôn ngữ mới xuất hiện.

3. Về phẩm chất: Biết trân trọng nét độc đáo do sự phát triển của ngôn ngữ mang lại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Phương tiện: SGK, SGV, bài giảng PPT và các tài liệu tham khảo.
- Hình thức tổ chức: hình thức làm việc trên lớp theo nhóm, làm việc cá nhân.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đồ dùng học tập.
- Chuẩn bị khác: HS đọc trước bài, thực hiện nhiệm vụ ở nhà theo phiếu gợi dẫn/phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ

a. Mục đích: HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.
b. Nội dung: HS dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi.
c. Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.
d. Tổ chức thực hiện:
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
GV nêu câu hỏi
Câu 1: Bạn thấy có những từ ngữ nào mới xuất hiện trong thời gian gần đây? Bạn có dùng những từ ngữ ấy không và dùng trong trường hợp nào?
Câu 2: Trong khi có nhiều từ ngữ mới xuất hiện thì cũng có một số từ ngữ từng được dùng phổ biến nhưng nay dường như bị biến mất. Thử tìm một vài từ ngữ như vậy.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ
- HS có sự liên hệ hiểu biết cá nhân với chuyên đề học tập.
- HS có định hướng học tập, hình dung được sản phẩm học tập cần làm.

- HS sẵn sàng làm việc theo nhóm học tập

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Câu 1:

- Quá cảnh; cơm bụi; đi tăng 2, tăng 3,…
- Quá cảnh (phải dừng lại ở một nơi nào đó trước khi bay sang một quốc gia khác); cơm bụi (những bữa cơm bình dân tại quán); đi tăng 2, tăng 3, (tiếp tục cuộc vui ở một đại điểm với những hoạt động khác)…

Câu 2: Cộng quân, tác chiến, địa phương quân, thiết vận xa, xe nhà binh,…

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức.

=> GV vào bài mới

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục đích: Giúp học sinh hiểu sự phát triển của tiếng Việt.

b. Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu câu hỏi **Câu 1:** Các từ ngữ mới trong tiếng Việt được hình thành theo những phương thức chủ yếu nào? **Câu 2:** Sự phát triển của tiếng Việt hiện nay được thúc đẩy bởi những nhân tố nào? **Câu 3:** Theo bạn, nguyên nhân nào khiến một ngôn ngữ không phát triển nữa? **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** Cá nhân HS nghiên cứu sách chuyên đề và thực hiện. **Bước 3. Báo cáo thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, kết luận.	**I. Tìm hiểu tri thức** **1. Sự phát triển của tiếng Việt** a. Sự phát triển của Tiếng Việt theo quy luật chung - Cấu tạo nên những từ ngữ mới dựa trên yếu tố vốn có trong hệ thống. - Vay mượn từ ngữ của các ngôn ngữ khác. b. Sự phát triển của tiếng Việt hiện nay - Những nhân tố thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của tiếng Việt + Sự phát triển nhanh chóng của đất nước ở tất cả các mặt của đời sống. + Ứng dụng ngày càng rộng rãi công nghệ và truyền thông.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục đích: Luyện tập củng cố nội dung bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi:

GV nêu câu hỏi:

*** Bài tập 1:** Liệt kê một số từ ngữ vốn thuộc phương ngữ mà nay được sử dụng rộng rãi ở nhiều vùng miền khác, góp phần làm giàu cho vốn từ vựng tiếng Việt toàn dân.

*** Bài tập 2:** Tìm thêm những từ ngữ mới mà theo bạn là đã được "nhập" vào hệ thống tiếng Việt.

*** Bài tập 3:** Tổng hợp những từ ngữ mới trong tiếng Việt mà bạn biết và sắp xếp vào các nhóm theo gợi ý ở bảng sau:

BẢNG PHÂN LOẠI TỪ NGỮ MỚI TRONG TIẾNG VIỆT THEO CÁC LĨNH VỰC

Lĩnh vực				
Đời sống	**Khoa học, công nghệ (thuật ngữ)**	**Thương mại**	**Báo chí**	**Hành chính**
……..	……	……...	…….	……

*** Bài tập 4:** Trao đổi nhóm để nhận xét, đánh giá kết quả được tổng hợp ở bài tập 3 dựa vào một số gợi ý sau:

a. Từ ngữ mới xuất hiện nhiều nhất trong lĩnh vực nào? Vì sao?

b. Những từ ngữ nào ảnh hưởng tích cực, những từ ngữ nào ảnh hưởng tiêu cực đến việc sử dụng tiếng Việt trong mỗi lĩnh vực?

c. Những từ ngữ nào được vay mượn từ các ngôn ngữ khác, những từ ngữ nào được cấu tạo từ các yếu tố của tiếng Việt? So sánh về tỉ lệ xuất hiện của hai nhóm từ ngữ giữa các lĩnh vực?

d. Bạn có dự đoán gì về xu hướng sử dụng yếu tố mới ở từng lĩnh vực trong tương lai?

c. Sản phẩm: HS hoàn thành các bài tập

*** Bài tập 1:** Một số từ ngữ vốn thuộc phương ngữ mà nay được sử dụng rộng rãi ở nhiều vùng miền khác: sầu riêng, chôm chôm,... Trước đây, khi việc lưu thông hàng hoá, sản vật còn hạn chế, những loại trái cây như sâu riêng, chôm chôm,... hầu như không thấy xuất hiện ở miền Trung và miền Bắc, do đó, từ chi những loại trái cây này cũng ít được người dân ở các địa phương biết đến. Hiện nay, những loại trái cây này đã được mua bán ở nhiều nơi, ngoài khu vực Nam Bộ, theo đó các từ sầu riêng, chôm chôm,... cũng dần trở nên quen thuộc.

*** Bài tập 2:**

Những từ ngữ mới mà theo em là đã được "nhập" vào hệ thống tiếng Việt là: tin tặc, số hóa, máy bay, sốt giá...

*** Bài tập 3:**

BẢNG PHÂN LOẠI TỪ NGỮ MỚI TRONG TIẾNG VIỆT THEO CÁC LĨNH VỰC

Lĩnh vực				
Đời sống	**Khoa học, công nghệ (thuật ngữ)**	**Thương mại**	**Báo chí**	**Hành chính**
Toang, soái ca, ga tô, chém gió,…	**Hiệu ứng nhà kính, mất cân bằng sinh thái,…**	**Thương mại, điện tử, trực tuyến,…**	**Truyền hình, kĩ thuật số, báo điện tử,…**	**Một cửa, thành phố thông minh,…**

*** Bài tập 4: Linh hoạt theo kết quả của học sinh ở bài tập 3.**

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ học tập:

- HS hoàn thành bài tập
- Chia sẻ ý kiến với cả lớp

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện cá nhân

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS chia sẻ trước lớp kết quả làm việc

Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra nhận xét đánh giá.

Tiết 2

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ

a. Mục đích: HS củng cố được kiến thức tiết 1, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: HS dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV tổ chức trò chơi "5 từ em biết": Thời gian suy nghĩ 3 phút. Hết 3 phút GV gọi 5 HS lên bảng viết các từ ngữ tìm được.
- Tìm 5 từ vay mượn trong tiếng Việt mà em biết?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS có sự liên hệ hiểu biết cá nhân với chuyên đề học tập.
- HS có định hướng học tập, hình dung được sản phẩm học tập cần làm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

=> GV vào bài mới

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục đích: Giúp học sinh hiểu khái niệm "yếu tố mới của ngôn ngữ"; phân loại các yếu tố mới của tiếng Việt; Sự ảnh hưởng của các yếu tố mới tới tiếng Việt.

b. Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm yếu tố mới của ngôn ngữ **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV nêu câu hỏi Câu 1: Yếu tố mới của ngôn ngữ là gì? **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** Cá nhân HS nghiên cứu sách chuyên đề và thực hiện. **Bước 3. Trình bầy kết quả** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, bổ sung, chuẩn hóa kiến thức	**I. Tìm hiểu tri thức (TT)** **1. Sự phát triển của Tiếng Việt** **2. Những yếu tố mới của tiếng việt** **a. Khái niệm "yếu tố mới của ngôn ngữ"** * Yếu tố mới là gì? Là những điều mới (đồng nghĩa với các từ tiên quyết, nhạy bén,..) * Yếu tố mới của ngôn ngữ là gì? - Yếu tố mới của ngôn ngữ nói chung và tiếng Việt nói riêng chủ yếu là những từ ngữ mới (Hay nói cách khác yếu tố mới cua ngôn ngữ chủ yếu thể hiện ở các từ vựng). - Vốn từ ngữ của một ngôn ngữ phải không ngừng được bổ sung và trở nên phong phú để đáp ứng nhu cầu biểu đạt các sự vật, hiện tượng mới.

Hoạt động 2: Tìm hiểu các tiêu chí phân loại các yếu tố mới của tiếng Việt **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV nêu câu hỏi Câu 2: Có mấy tiêu chí dùng để phân loại các yếu tố mới của tiếng Việt? Nêu nội dung của các tiêu chí? **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** Hoạt động cặp đôi nghiên cứu sách chuyên đề và thực hiện **Bước 3. Trình bầy kết quả** Gọi đại diện cặp đôi tronhf bày. Các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung. **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, bổ sung, chuẩn hóa kiến thức	**b. Phân loại các yếu tố mới của tiếng Việt** Có các tiêu chí để phân loại tiếng Việt: * Dựa vào nguồn gốc: có thể phân biệt được yếu tố mới được tạo ra từ yếu tố có sẵn của tiếng Việt với yếu tố mới vay mượn từ ngôn ngữ khác. * Dựa vào phạm vi sử dụng có thể phân biệt yếu tố mới trong ngôn ngữ khoa học, ngôn ngữ thương mại, ngôn ngữ báo chí, ngôn ngữ hành chính, ngôn ngữ đời sống,... * Dựa vào góc độ đóng góp của các yếu tố mới đối với quá trình phát triển của ngôn ngữ thì mức độ chấp nhận một yếu tố mới được chấp nhận vào hệ thống ngôn ngữ là tiêu chí phân loại quan trọng. - Những từ ngữ mói đã nhập vào hệ thống tiếng Việt: Đây là những từ ngữ mới nhưng đã được phổ biến rộng rãi và có thể coi là một bộ phận của từ vựng tiếng Việt. VD: + Những tù đã được đưa và từ điển tiếng Việt: Internet; chứng khoán, sở hữu trí tuệ,... + Những từ được dùng phổ biến nhưng chưa xuất hiện trong từ điển: thương mại điện tử, kinh tế số, kinh doanh số, cuộc sống số, số hóa,... + Những cụm từ viết tắt thể hiện một số khái niệm mới: CPI; COVID 19; BOT,.... - NHững từ ngữ chỉ mới được đưa vào sử dụng trong một nhóm XH, chưa được nhập vào trong hệ thống tiếng Việt. + Những từ ngữ đang được sử dụng trong một nhóm XH đang có xu hướng phổ biến. VD: ga tô, chảnh, soái ca, sống ảo, thả thính,.... liveshow; gameshow,.... + Một số cách dùng ngôn ngữ xuất hiện trong giao tiếp của một bộ phận XH, chủ yếu là giới trẻ: \ Cách nói chêm xen từ ngữ tiếng anh \ Cách nói lắp ghép các từ ngữ theo lối buông thả \ Ngôn ngữ teen; ngôn ngữ chat
Hoạt động 3: Tìm hiểu tác động của các yếu tố ngôn ngữ mới đối với tiếng Việt **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV nêu câu hỏi	**c. Tác động của các yếu tố ngôn ngữ mới với tiếng Việt.**

Câu 3: Nêu tác động của các yếu tố ngôn ngữ mới với tiếng Việt. (Tác động tích cực? Tác động tiêu cực?) **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** Cá nhân HS nghiên cứu sách chuyên đề và thực hiện **Bước 3. Trình bầy kết quả** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, bổ sung, chuẩn hóa kiến thức	Các yếu tố ngôn ngữ mới vừa có tác động tích cực, vừa có tác động tiêu cực đến tiếng Việt. * Tác động tích cực: làm cho vốn từ ngữ trở phong phú, giúp ngôn ngữ phát triển khả năng biểu đạt, đáp ứng nhu cầu giao tiếp của nhiều tầng lớp nhân dân trong XH. * Tác động tiêu cực: Làm tổn hại đến tính chặt chẽ, hệ thống của ngôn ngữ và có thể gây trở ngại cho giao tiếp (khó hiểu, gây hiểu lầm); tạo nên thói quen xấu cho người dùng, nhất là giới trẻ, chỉ dùng theo trào lưu mà không hiểu đầy đủ nghĩa của những từ mình dùng, dễ dãi trong việc sử dụng ngôn từ; dẫn đến tình trạng tình trạng sử dung ngôn ngữ xô bồ, pha tạp, làm mất đi vẻ đẹp và sự tinh tế của tiếng Việt.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

a. Mục đích: Luyện tập củng cố nội dung bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi:

GV nêu câu hỏi:

*** Bài tập: Đọc VB "Về nguyên tắc vay mượn từ ngữ"**

Thực hiện các yêu cầu:

1. Tìm thêm các từ gốc Hán thuộc các nhóm a,b và c mà tác giả bài viết đã nêu.

2. Bạn có đồng với nguyên tắc chỉ vay mượn "Những chữ ta không có sẵn và khó dịch đúng" không? Vì sao?

3. Nêu một số VD vay mượn của các ngôn ngữ châu Âu mà bạn cho là rất cần thiết hoặc không cần thiết.

*** Bài tập 5:** Đọc đoạn trích su và trả lời các câu hỏi:

a. Bạn suy nghĩ gì về ý kiến trên?

b. Việc giữ gìn sự trong sáng của ngôn ngữ là vấn đề dặt ra đối với tiếng Việt hay là vấn đề của nhiều ngôn ngữ? Vì sao bạn nghĩ như vậy?

Bài 6: Viết đoạn văn khoảng 200 chữ nêu ý kiến của bạn về sự phát triển của tiếng Việt trong đời sống xã hội.

- HS hoàn thành bài tập
- Chia sẻ ý kiến với cả lớp

c. Sản phẩm:

Bài tập: Văn bản "**Về nguyên tắc vay mượn từ ngữ"**

Gợi y:

1. Tìm thêm các từ ngữ gốc Hán thuộc các nhóm:

a. Những từ gốc Hán được mượn bằng cách giữ nguyên y nghĩa khi trong tiếng Việt chưa có các từ tương ứng với chúng: Tự do; hạnh phúc; chính trị; quan điểm....

b. Những từ gốc Hán có quan hệ đồng nghĩa với từ Việt nhưng khác với từ Việt về màu sắc biểu cảm hoặc phong cách. Chúng không thể hoàn toàn thay thế cho nhau được: Phụ nữ; hi sinh; tạ thế; an táng; ...

c. Những từ gốc Hán có quan hệ đồng nghĩa với từ Việt nhưng khác từ Việt về màu sắc, y nghĩa, cách dùng. Chúng không thể thay thế nhau trong mọi trường hợp: phi cơ; hỏa xa; ...
2. Tôi đồng ý với nguyên tắc: Chỉ mượn những chữ ta không có sẵn và khó dịch đúng. Vì để đảm bảm bảo sự ong sáng của TV và trách sự sử dụng một cách pha tạp, lai căng làm mất đi sự trong sáng của TV.
3. Một số VD vay mượn của các ngôn ngữ Châu Âu: Internet; láp tốp; xà phòng; violong; marketing; kinh tế số; công nghệ số,....
Bài 5.
a. Ý kiến của cố thủ tướng Phạm Văn Đồng là đúng. Vì Đổi mới TV làm cho vốn từ ngữ TV trở phong phú, giúp ngôn ngữ TV phát triển khả năng biểu đạt, đáp ứng nhu cầu giao tiếp của nhiều tấng lớp nhân dân trong XH. (hoặc: Vì Vốn từ ngữ của một ngôn ngữ không ngừng phải được bổ sung phong phú để đáp ứng nhu cầu biểu đạt các sự vật hiện tượng mới.)
b. Việc giữ gìn sự trong sáng của ngôn ngữ là vấn đề đặt ra không chỉ đối với TV mà là vấn đề của nhiều ngôn ngữ khác. Vì bất ki ngôn ngữ nào trên thế giới đề có yếu tố ngôn ngữ mới. Điều đó được thể hiện rõ ở khía cạnh từ vựng.
Bài 6.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- HS thực hiện cá nhân.
Bước 3: Báo cáo kết quả
- HS chia sẻ trước lớp kết quả làm việc.
Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra nhận xét đánh giá.

CHUYÊN ĐỀ 2: TÌM HIỂU NGÔN NGỮ TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

Thời gian thực hiện: (10 tiết)

A. MỤC TIÊU
1. Về kiến thức
- Hiểu được ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội và là một bộ phận cấu thành của văn hóa.
2. Về năng lực
- Nhận biết và đánh giá được các yếu tố của ngôn ngữ trong đời sống xã hội đương đại.
- Biết vận dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ đương đại trong giao tiếp.
3. Về phẩm chất
- Tự hào, tôn trọng và bảo vệ tiếng Việt.
- Nuôi dưỡng hứng thú đọc và rèn luyện kĩ năng đọc, tự tìm hiểu ngôn ngữ trong đời sống của học sinh.
- Rèn luyện sự chăm chỉ, chủ động trước công việc của bản thân và tập thể.
B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY
Tiết 17 – 18 – 19 – 20
PHẦN 3: VẬN DỤNG CÁC YẾU TỐ MỚI CỦA NGÔN NGỮ TRONG GIAO TIẾP
I. MỤC TIÊU
1. Về kiến thức
- Hiểu được ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội và là một bộ phận cấu thành của văn hóa.
2. Về năng lực
- Nhận biết và đánh giá được các yếu tố của ngôn ngữ trong đời sống xã hội đương đại.

- Biết vận dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ đương đại trong giao tiếp.

3. Về phẩm chất

- Tự hào, tôn trọng và bảo vệ tiếng Việt.
- Nuôi dưỡng hứng thú đọc và rèn luyện kĩ năng đọc, tự tìm hiểu ngôn ngữ trong đời sống của học sinh.
- Rèn luyện sự chăm chỉ, chủ động trước công việc của bản thân và tập thể.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Phương tiện: SGK, SGV, bài giảng PPT và các tài liệu tham khảo.
- Hình thức tổ chức: hình thức làm việc trên lớp theo nhóm, làm việc cá nhân.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đồ dùng học tập.
- Chuẩn bị khác: HS đọc trước bài, thực hiện nhiệm vụ ở nhà theo phiếu gợi dẫn/phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục đích: HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung: HS dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV nêu yêu cầu:

+ Bạn có nghĩ rằng việc chêm xen tiếng Anh vào câu nói tiếng Việt của giới trẻ hiện nay là vấn đề đáng ngại không? Vì sao?

+ Cho biết một số trường hợp dùng từ ngữ mới mà theo bạn là cần thiết?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS có sự liên hệ hiểu biết cá nhân với chuyên đề học tập.
- HS có định hướng học tập, hình dung được sản phẩm học tập cần làm.
- HS sẵn sàng làm việc theo nhóm học tập.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu *Phần 3: Vận dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ trong giao tiếp*

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a) Mục đích: Giúp học sinh:

- Hiểu được **mối quan hệ giữa việc tuân thủ chuẩn của ngôn ngữ với việc sáng tạo để ngôn ngữ phát triển.**
- Nhận biết và đánh giá được các yếu tố mới của ngôn ngữ trong đời sống xã hội đương đại.
- Biết vận dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ đương đại trong giao tiếp.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ. **GV:** Yêu cầu HS thảo luận nhóm theo cặp, các nhóm cùng đọc phần **1. Mối quan hệ giữa việc tuân thủ chuẩn của ngôn ngữ với việc sáng tạo để ngôn ngữ phát triển** trong SGKCĐ và trả lời các câu hỏi: *+ Bạn hiểu như thế nào về chuẩn của ngôn ngữ trong tiếng Việt?* *+ Vì sao chúng ta cần phải giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt?* *+ Để giữ gìn và phát triển ngôn ngữ của dân tộc, mỗi người cần chú ý điều gì?* *+ Có nhiều trường hợp không thể thay thế từ Hán Việt bằng những từ ngữ "thuần Việt" đồng nghĩa, chẳng hạn, không thể thay phi công bằng người lái máy bay, thay máy bay trực thăng bằng máy bay lên thẳng. Hãy tìm thêm những ví dụ tương tự.* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.** - HS: Các nhóm trao đổi, thảo luận. - GV: hỗ trợ khi cần thiết. **Bước 3: Báo cáo kết quả.** - GV: mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp. - HS: lắng nghe, phát biểu ý kiến nhận xét. **Bước 4: Nhận xét, đánh giá** - Học sinh tự nhận xét đánh giá và đánh giá lẫn nhau; - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	**1. Mối quan hệ giữa việc tuân thủ chuẩn của ngôn ngữ với việc sáng tạo để ngôn ngữ phát triển** **a. Chuẩn tiếng Việt** thể hiện chủ yếu ở các bình diện của hệ thống ngôn ngữ như: ngữ âm, chính tả (chữ viết), từ ngữ, ngữ pháp và các yêu cầu về tạo lập văn bản. - Chuẩn ngôn ngữ dựa trên hệ thống những quy tắc được xác lập và phát triển qua một quá trình lâu dài, làm cơ sở cho việc định hướng, điều chỉnh hoạt động giao tiếp của các thành viên trong một cộng đồng. **b.** Tuy vậy, những quy định tạo nên chuẩn của ngôn ngữ không phải là cái bất biến. Tuân thủ chuẩn mực ngôn ngữ không có nghĩa là chỉ giữ nguyên vẹn cái vốn có từ các thế hệ trước và không tiếp nhận những yếu tố mới vào hệ thống. **c. Sử dụng tiếng Việt đúng chuẩn, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt** không chỉ nhằm giữ gìn một phương tiện giao tiếp quan trọng mà còn thể hiện trách nhiệm của mỗi người đối với di sản văn hoá dân tộc. Để giữ gìn và phát triển tiếng Việt, mỗi người cần có thái độ và nhận thức đúng đắn về ngôn ngữ của dân tộc. *Để giữ gìn và phát triển ngôn ngữ của dân tộc, mỗi người cần chú ý:* - Cần có tình yêu, sự quý trọng, lòng tự hào đối với tiếng Việt; - Có hiểu biết về chuẩn ngôn ngữ thể hiện qua yêu cầu về phát âm, quy định chính tả, cách dùng từ, quy tắc đặt câu và tạo lập văn bản. Rèn luyện kĩ năng nói và viết nhằm đạt được sự trong sáng trong việc biểu đạt các ý tưởng và thông tin; tạo ý thức, thói quen nói đúng, viết đúng; chú trọng tính văn hóa, lịch sử của lời nói. *Ví dụ:* + Trong trận đấu giữa đội tuyển Ý và đội tuyển Pháp, hàng trăm *khán giả* đánh nhau. + Từ thuần Việt đồng nghĩa với từ "khán giả" là "người xem". Nếu ta thay thế "khán giả" bằng "người xem", câu sẽ trở nên mơ hồ, có hai cách hiểu khác nhau, đó là "hàng trăm khán giả đánh nhau" sẽ rất khác với "hàng trăm người xem đánh nhau".
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ. **GV:** Yêu cầu HS thảo luận nhóm	**2. Vận dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ một cách phù hợp**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
theo tổ, các nhóm cùng đọc phần 2: ***2. Vận dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ một cách phù hợp*** trong SGKCĐ và trả lời các câu hỏi: *+ Một yếu tố ngôn ngữ mới cần đáp ứng những yêu cầu cơ bản nào để được chấp nhận rộng rãi và có cơ hội "nhập" vào hệ thống tiếng Việt?* *+ Cho biết các yếu tố cơ bản của một tình huống giao tiếp có ảnh hưởng đến việc lựa chọn từ ngữ.* *+ Phân tích một số trường hợp cho thấy một yếu tố ngôn ngữ mới có thể được dùng phù hợp trong tình huống giao tiếp này nhưng không phù hợp trong tình huống giao tiếp khác.* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.** - HS: Các nhóm trao đổi, thảo luận. - GV: hỗ trợ khi cần thiết. **Bước 3: Báo cáo kết quả.** - GV: mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp. - HS: lắng nghe, phát biểu ý kiến nhận xét. **Bước 4: Nhận xét, đánh giá** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức	***a. Một yếu tố ngôn ngữ mới để được chấp nhận rộng rãi và có cơ hội "nhập" vào hệ thống tiếng Việt cần đáp ứng những yêu cầu cơ bản sau:*** - Chỉ tiếp nhận những yếu tố mới có tác dụng đáp ứng nhu cầu giao tiếp của người Việt một cách linh hoạt; - Chỉ tiếp nhận những yếu tố mới không làm phá vỡ tính chuẩn mực, sự tinh tế của hệ thống ngôn ngữ hiện có. ***b. Các yếu tố cơ bản của một tình huống giao tiếp có ảnh hưởng đến việc lựa chọn từ ngữ:*** - *Đề tài:* phạm vi đời sống được đề cập đến trong văn bản, ví dụ: một chuyến du lịch, sở thích của giới trẻ, vấn đề ô nhiễm môi trường, tình trạng bạo lực học đường,... - *Nhân vật giao tiếp:* Quan hệ giữa người viết với người đọc hoặc giữa người nói với người nghe xét về vị thế, nghề nghiệp, tuổi tác, giới tính,... - *Kênh giao tiếp:* ngôn ngữ nói hay ngôn ngữ viết, trang trọng hay thân mật, chỉ ngôn ngữ hay kết hợp ngôn ngữ với hình ảnh (giao tiếp đa phương thức) … + Chẳng hạn, các văn bản có thể cùng đề tài (ví dụ về động vật hoang dã) và cho cùng đối tượng tiếp nhận (ví dụ đối tượng học sinh), nhưng khác nhau về kênh giao tiếp (ví dụ bài đọc trong sách giáo khoa và bài thuyết minh trong một buổi tham quan ở sở thú); cùng kênh giao tiếp (ví dụ bài giảng ở lớp) và cho cùng đối tượng tiếp nhận (ví dụ đối tượng học sinh), nhưng khác về đề tài (ví dụ bài học về năng lượng và bài học về ca dao),... ***c. Hiểu biết về tình huống giao tiếp giúp chúng ta có cách sử dụng các yếu tố mới một cách phù hợp*** - Có những tình huống giao tiếp mà nguyên tắc sử dụng ngôn ngữ đúng chuẩn được đặt ra một cách nghiêm ngặt, chỉ sử dụng những yếu tố mới đã được chấp nhận rộng rãi. - Tuy nhiên, cũng có những tình huống giao tiếp mà nhu cầu, sở thích sử dụng ngôn ngữ của cá nhân được tôn trọng ở mức độ nhất định. - Chẳng hạn: *"U là trời"* được biết đến là cụm từ được chế lại từ *"trời ơi"*. *"U là trời"* là câu cảm thán được giới trẻ sử dụng để thể hiện cảm xúc kinh ngạc, ngạc nhiên khi chứng kiến một câu chuyện bất ngờ nào đó. Cụm từ này còn thể có trạng thái cảm xúc giống với *"Oh my god"* trong tiếng Anh. Cụm từ này thường được sử dụng trong các đoạn chat, các cuộc nói chuyện phiếm của giới trẻ. Tuy nhiên, trong các loại văn bản không thuộc phong

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
	cách ngôn ngữ sinh hoạt, các cách diễn đạt này sẽ không được chấp nhận vì nếu dùng sẽ bị sai phong cách.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong sách chuyên đề Ngữ văn văn bản: *Về tiếng ta* của Nguyễn Tuân và trả lời câu hỏi: *+ Tình yêu tiếng Việt của Nguyễn Tuân được thể hiện như thế nào qua văn bản Về tiếng ta?* *+ Bạn học hỏi được gì từ kinh nghiệm viết của tác giả?* *+ Nguyễn Tuân quan niệm như thế nào về vấn đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt?* *+ Qua bài viết của Nguyễn Tuân, bạn có nhận xét gì về vai trò của nhà văn trong sự phát triển của tiếng Việt?* - HS làm việc cá nhân **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc kiến thức trong sách chuyên đề, chuẩn bị trả lời câu hỏi. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	**3. Tìm hiểu văn bản: *Về tiếng ta* của Nguyễn Tuân** ***3.1 Tình yêu tiếng Việt của Nguyễn Tuân được thể hiện qua việc:*** - Ông biết ơn đất nước, ông bà tiên tổ - những người đã truyền cho ông thứ tiếng nói đậm đà mà ông hằng nói từ những ngày mới ra đời. - Ông yêu tiếng Việt và không bao giờ quên được tiếng Việt dù cho có chết. - Theo ông, mỗi lần viết xong đều cần đọc lại và cảm nhận, đánh giá nó bằng các giác quan. - Ông cho rằng ngôn ngữ Việt Nam rất trong sáng và giàu có. - Trong đoạn cuối ông trăn chở "Làm thế nào để cứ giàu có mãi hơn lên, mà càng giàu lại càng đẹp. Nói một cách khác: bằng lòng và gắng sức cho thành một người giàu có vô kể trong sự phồn vinh chung của tiếng Việt Nam. Nhưng hết sức chống lại mọi thứ "trọc phú" trong đời sống ngôn ngữ ta. Giàu có, mà không vẩn đục-vẩn về tư duy, đục về mỹ lý". Qua đó có thể thấy, ông trân trọng và luôn mong muốn làm giàu đẹp và bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt. => Nguyễn Tuân là một người vô cùng yêu tiếng nói, chữ viết của dân tộc. ***3.2 Qua đoạn trích "Về tiếng ta" của tác giả Nguyễn Tuân, rút ra một số kinh nghiệm viết như sau:*** - Khi viết cần có luận điểm rõ ràng, lập luận rõ ràng, dẫn chứng cụ thể. - Sau khi viết bài cần đọc lại, cảm nhận và suy ngẫm lại nội dung của mình. - Khi viết cần chú ý ngôn từ của mình, bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt. ***3.3 Theo nhà văn Nguyễn Tuân quan niệm về vấn đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt như sau:*** "....bằng lòng và gắng sức cho thành một người giàu có vô kể trong sự phồn vinh chung của tiếng Việt Nam. Nhưng hết sức chống lại mọi thứ "trọc phú" trong đời sống ngôn ngữ ta. Giàu có, mà không vẩn đục-vẩn về tư duy, đục về mỹ lý." ***3.4 Qua bài viết của Nguyễn Tuân, nhận thấy nhà văn có vai trò quan trọng trong sự phát triển của tiếng Việt.*** Họ góp phần bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt. Đồng thời cũng góp phần làm giàu đẹp ngôn từ của tiếng Việt.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục đích: Luyện tập củng cố nội dung bài học.
b) Nội dung: HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.
c) Sản phẩm: HS hoàn thành các bài tập.
d) Tổ chức thực hiện:
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
GV giao nhiệm vụ học tập:
- GV yêu cầu học sinh đọc và trả lời câu hỏi 1,2 phần II. Luyện tập và vận dụng trong SGKCĐ.
- HS hoàn thành bài tập vào phiếu học tập.
- Chia sẻ ý kiến với cả lớp.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- HS thực hiện cá nhân, nhóm
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi.
Bước 3: Báo cáo kết quả
- HS chia sẻ trước lớp kết quả làm việc.
Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra nhận xét đánh giá.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục đích: Học sinh được củng cố lại kiến thức thông qua bài tập ứng dụng.
b) Nội dung: HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.
c) Sản phẩm: HS làm các bài tập.
d) Tổ chức thực hiện:
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
- GV giao nhiệm vụ học tập: *Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu ý kiến của bạn về một vấn đề liên quan đến việc giữ gìn và phát triển tiếng Việt.*
- Buổi sau báo cáo sản phẩm.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- HS thực hiện ở nhà.
Bước 3: Báo cáo kết quả
- HS báo cáo kết quả trên lớp buổi sau.
Bước 4: Buổi sau GV đánh giá kết quả, đưa ra kết luận
- HS nhận xét, bổ sung chéo cho nhau theo tiến trình hoạt động.
- GV nhận xét, kết luận.
4. Củng cố: Bài tập trắc nghiệm nhanh
5. Hướng dẫn về nhà: *Vận dụng hiểu biết về tình huống giao tiếp (đề tài, quan hệ giữa những người tham gia vào giao tiếp, kênh giao tiếp) để thảo luận, phân tích và đánh giá về sự phù hợp của việc sử dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ trong một văn bản do bạn tự chọn.*

PHIẾU HỌC TẬP

GV sử dụng một số video clip có sẵn trên mạng hoặc các đoạn ghi âm hội thoại (do học sinh và giáo viên sưu tầm trước buổi học) để từ đó chia nhóm phân tích.

GV dùng một số bài thực hành của học sinh hoặc một số đoạn văn mẫu chưa qua kiểm duyệt ở trên mạng để chia nhóm học sinh thảo luận

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu ý kiến của bạn về một vấn đề liên quan đến việc giữ gìn và phát triển tiếng Việt.

Gợi ý

Hướng dẫn học sinh viết theo quy trình:

Hình thành ý tưởng: cá nhân/ nhóm ghi ra những ý tưởng về vai trò của tiếng Việt trong học tập, trong công việc và giao tiếp hằng ngày; vị thế của tiếng việt trước làn sóng

học ngoại ngữ như vũ bão của xu thế toàn cầu hoá; cách đơn giản để giữ gìn tiếng Việt, làm cho tiếng Việt ngày càng giàu hơn, đẹp hơn, hiện đại hơn; một số ví dụ về cách sự dụng tiếng Việt phù hợp, chưa phù hợp giao tiếp hằng ngày, trong sử dụng mạng xã hội của người Việt nói chung, nhất là các bạn trẻ;…

Giáo viên ghi lại các ý chính khi đại diện học sinh trình bày bằng sơ đồ tư duy/chân chim hoặc bảng biểu.

Lập dàn ý bằng câu hỏi tìm ý.

Ví dụ:

- Một số vấn đề có thể lựa chọn để viết: Bạn hiểu thế nào về sự trong sáng của tiếng Việt? Giới trẻ có vai trò như thế nào trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt? Theo bạn, cần tiếp nhận các yếu tố mới của ngôn ngữ như thế nào? Thành phần nào trong xã hội có ảnh hưởng lớn nhất đối với sự phát triển của ngôn ngữ...

Giáo viên gợi ý cách thức tiến hành và tiêu chí đánh giá đoạn văn: Đoạn văn cần triển khai theo định hướng của kiểu bài nghị luận. Do khuôn khổ của một đoạn văn, bạn cần chọn những lí lẽ, dẫn chứng tiêu biểu nhất và trình bày các nội dung một cách mạch lạc, súc tích.

Viết nháp: Cá nhân học sinh vận dụng kiến thức mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn; kiến thức đặc thù của văn nghị luận để vận dụng những kiến thức của tập thể trong bước nãy sinh ý tưởng để chủ động viết nháp;

Giáo viên quan sát lớp thực hành, nhắc nhở, hỗ trợ khi cần thiết;

Chỉnh sửa bài viết: giáo viên chọn một trong hai cách chỉnh sửa: đọc và nhận xét một số bài viết ngẫu nhiên, học sinh chỉnh sửa cặp đôi.

Hoàn thiện bài viết: học sinh thực hiện bước này sau giờ học, nộp sản phẩm bằng giấy học bằng hình ảnh qua nhóm zalo.

Chú ý: Giáo viên có thể cho học sinh thực hành bằng cách quay video thuyết trình hoặc phỏng vấn người thật, phỏng vấn tưởng tượng về chủ đề: giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trong thời hội nhập.

Bài tham khảo

Bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt là một trong những vấn đề cấp thiết đối với mỗi người dân Việt Nam. Bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt chính là phát huy Tiếng Việt truyền thống, giúp nó ngày càng trở nên phong phú, hiện đại nhưng vẫn giữ được nét đẹp truyền thống vốn có của mình không bị lai hóa, hoặc pha lẫn với những thứ tiếng khác như Tiếng Hán, Tiếng Anh, Tiếng Pháp,… Trong xu thế hiện nay, nước ta ngày càng mở rộng các mối quan hệ với nước ngoài đặc biệt là các nước Phương Tây. Việc này dẫn đến, nhiều loại ngôn ngữ lai căng ra đời và được sử dụng phổ biến. Bên cạnh lợi ích như làm giàu cho tiếng Việt, việc lạm dụng các từ ngữ nửa Anh nửa Việt, các từ viết tắt, các từ lóng... đang dần làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt. Chúng ta cần có những giải pháp hiệu quả để bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt. Tại các trường học đã và đang chú trọng, đẩy mạnh giáo dục học sinh giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Chúng ta có thể loại trừ sự lố bịch trong việc dùng tiếng lai dường như cũng chính là một khía cạnh thể hiện niềm tự hào và ngoài ra đó cũng chính là sự tôn trọng ý thức dân tộc trong ngôn ngữ, nó dường như cũng đã góp phần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

Ngày soạn:

CHUYÊN ĐỀ 3:
ĐỌC, VIẾT VÀ GIỚI THIỆU VỀ MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC
Thời gian thực hiện: 15 tiết

A. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức:

- Nhận biết được một số đặc điểm nổi bật về sự nghiệp văn chương và phong cách nghệ thuật của một tác giả lớn.

2. Về năng lực

- Biết cách đọc một tác giả văn học lớn
- Biết viết bài giới thiệu về một tác giả văn học đã đọc
- Vận dụng được những hiểu biết từ chuyên đề để đọc hiểu và viết về những tác giả văn học khác.
- Biết thuyết trình về một tác giả văn học

3. Về phẩm chất

- Biết trân trọng, cảm phục cuộc đời và tài năng văn chương của các tác giả văn học

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 1: ĐỌC VỀ MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Lựa chọn được tác giả và có định hướng đọc rõ ràng
- Biết cách đọc về một tác giả văn học qua việc tìm kiếm tài liệu: ghi chép, tổng hợp các thông tin theo phiếu đọc.
- Nhận biết được một số đặc điểm nổi bật về cuộc đời sự nghiệp văn chương, phong cách nghệ thuật của tác giả.
- Biết xây dựng hồ sơ đọc để chuẩn bị viết, thuyết trình về một tác giả văn học
- Nuôi dưỡng hứng thú đọc và rèn luyện kĩ năng tự đọc, tự học.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, trao đổi giữa các cá nhân, các nhóm.

2.2. Năng lực riêng

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tác giả văn học
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tác giả văn học minh chon
- Năng lực hợp tác trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung và nghệ thuật sự nghiệp của tác giả văn học
- Năng lực phân tích, so sánh quan điểm sáng tác cũng như nghệ thuật của tác giả cùng thời kì.

3. Về phẩm chất

- Biết trân trọng tài năng cũng như con người của tác giả văn học

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh về nhà văn hình ảnh
- Bảng phân công nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

2. Học liệu

- Sách chuyên đề Ngữ Văn 11
- Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn bài học
- Vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học Tác giả văn học.

b. Nội dung: GV đặt câu hỏi gợi mở vấn đề đối với HS

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV đặt câu hỏi: Trong các tác giả văn học mà em đã từng học em có ấn tượng với tác giả nào nhất? Vì sao?

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS nghe và suy nghĩ trả lời

B3: Báo cáo thảo luận:

- GV mời một số HS đứng dậy trả lời câu hỏi

B4: Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV nhận xét.

GV dẫn vào bài: Trong kho tàng văn học Việt Nam có rất nhiều tác giả tài hoa. Từ văn học cổ đại, trung đại đến hiện đại mỗi một thời kì lại có những tác gia ghi dấu ấn đậm sâu trong lòng độc giả. Việc tìm hiểu về sự nghiệp, quan điểm sáng tác của tác giả có vai trò vô cùng quan trọng trong việc tìm hiểu tác phẩm văn học. Trong bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu cách đọc, viết về một tác giả văn học. Tiết 1 – Bài 1 – Phần 1 cách đọc về tác giả văn học

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Ý nghĩa của việc đọc về một tác giả văn học

a. Mục tiêu: Hs hiểu được ý nghĩa của việc đọc về một tác giả văn học

b. Nội dung: HS sử dụng kiến thức trong SGK và hiểu biết của bản thân để tìm hiểu ý nghĩa của việc đọc về một tác giả văn học

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tiến trình thực hiện

Hoạt động của GV – HS	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi để HS có thể suy nghĩ lời câu hỏi trả lời: *Dựa vào SGK và hiểu biết của em, hãy chỉ ra ý nghĩa của việc đọc về một tác giả văn học* - HS tiếp nhận nhiệm vụ **B2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Các nhóm (cặp đôi) thảo luận để trả lời câu hỏi **B3: Báo cáo thảo luận:** - GV mời đại diện nhóm lên trả lời câu hỏi - Các nhóm khác nhận xét và bổ sung **B4: Đánh giá kết quả thực hiện:**	**I. Ý nghĩa của việc đọc về một tác giả văn học** - Những thông tin về tác giả văn học (tiểu sử, sự nghiệp tư tưởng…) không chỉ giúp hiểu sâu hơn về một tác phẩm mà còn hình dung được rõ hơn về con đường đạt đến đỉnh cao trong sự nghiệp của tác giả cùng những mối liên hệ với bối cảnh lịch sử cụ thể của đất nước, dân tộc, thời đại. - Đối với những tác giả văn học có khối lượng tác phẩm phong phú, việc đọc rộng ra nhiều tác phẩm của họ kết hợp với việc tìm hiểu những thông tin về cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng, tình cảm, hoàn cảnh sáng tác... sẽ giúp người đọc có được sự

- GV nhận xét, chốt kiến thức.	hình dung rõ hơn về những vấn đề quan trọng như: quá trình hình thành cá tính sáng tạo, phong cách nghệ thuật... - Nhiều tác giả văn học lớn là danh nhân văn hoá. Cuộc đời, sự nghiệp văn học, phong cách nghệ thuật, những suy tưởng, trải nghiệm của họ về cuộc sống, nghệ thuật là những yếu tố góp phần xây đắp nên vốn văn hoá của dân tộc và nhân loại. Khi tìm hiểu các tác giả văn học và noi theo tấm gương sống, sáng tạo của họ, ta sẽ có thêm những trải nghiệm lí thú, những hiểu biết sâu rộng về cuộc sống, con người và văn hoá nói chung – những điều vốn tồn tại như điều kiện nền tảng giúp ta trưởng thành, trở nên một nhân cách độc lập, toàn vẹn.

Nội dung 2: Thực hành đọc

a. Mục tiêu: Hs biết cách đọc về một tác giả văn học

b. Nội dung: HS sử dụng kiến thức trong SGK và hiểu biết của bản thân để đọc về một tác giả văn học yêu thích.

c. Sản phẩm học tập: Bài đọc về một tác giả văn học của HS

d. Tiến trình thực hiện

Hoạt động của GV – HS	**Dự kiến sản phẩm**
Nhiệm vụ 1: Lựa chọn tác giả và định hướng đọc **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV đặt câu hỏi để HS có thể suy nghĩ trả lời: *+ Trong các tác giả đã học, em có ấn tượng và mong muốn tìm hiểu tác giả nào nhất?* *+ Vì sao em muốn tìm hiểu về tác giả đó? Điều em ấn tượng nhất về tác giả đó là gì?* *+ Tiêu chí lựa chọn tác giả là gì?* *+ Có mấy cách đọc?* - HS tiếp nhận nhiệm vụ **B2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Các nhóm thảo luận để trả lời câu hỏi **B3: Báo cáo kết quả** - GV mời đại diện nhóm lên trả lời câu hỏi - Các nhóm khác lắng nghe nhận xét và bổ sung **B4: Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, chốt kiến thức.	**II. Thực hành đọc** **1. Lựa chọn tác giả và định hướng đọc** - Tiêu chí lựa chọn tác giả: + TG có tác phẩm được học trong chương trình. + TG được yêu cầu đọc mở rộng trong SGK từ cấp THCS đến cấp THPT + TG có tác phẩm đáp ứng được yêu cầu, sở thích của bản thân. - Định hướng đọc: + Đọc sâu: Đi vào khám phá một phần sự nghiệp sáng tác hoặc một đề tài, tư tưởng, đặc điểm loại, thể loại nổi bật thể hiện trong sáng tác của tác giả. + Đọc rộng: Cần tìm đầy đủ, bao quát về tác giả, từ tiểu sử đến các chặn đường sáng tác, phê bình, nghiên cứu về tác giả ấy.
Nhiệm vụ 2: Xây dựng hồ sơ về tác giả **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV đặt câu hỏi để HS nghiên cứu và tìm hiểu. *+ Em đã tìm được tác giả mà mình yêu thích chưa?* *+ Các em thường tìm kiếm tài liệu về tác*	**2. Xây dựng hồ sơ về tác giả** a. Tìm kiếm tài liệu - Nguồn tài liệu: thư viện, sách báo, internet… - Những thông tin thường được thu thập: tiểu sử, sự nghiệp sáng tác, các tác phẩm

giả ở những nguồn nào? Thông thường, các em sẽ thu thập những thông tìn gì? *+ Ví dụ đối với tác giả Nam Cao em cần chuẩn bị những gì?* - HS tiếp nhận nhiệm vụ **B2: Thực hiện nhiệm vụ** - Các nhóm thảo luận để trả lời câu hỏi **B3: Báo cáo kết quả** - GV mời đại diện nhóm lên trả lời câu hỏi| - Các nhóm khác lắng nghe nhận xét và bổ sung **B4: Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, chốt kiến thức.	tiêu biểu, các tài liệu liên quan… b. Lập danh mục tài liệu HS lựa chọn tác giả mình muốn tìm hiểu sau thời gian suy nghĩ *- Ví dụ đối với tác giả Nam Cao HS có thể tập hợp các tài liệu liên quan theo danh mục, từ đó chọn các tài liệu cần đọc* *** Tác phẩm tiêu biểu của Nam Cao:** *- Truyện ngắn trước Cách mạng:* Chí Phèo (1941), Dì Hảo (1941), Giăng sáng (1942), Tư cách mõ (1943), Lão Hạc (1943), Đời thừa (1943), Một bữa no (1943), Một đám cưới (1944). Tiểu thuyết: Sống mòn (1944), Truyện người hàng xóm (1944)... *- Truyện kí sau Cách Mạng:* Mò sâm banh (1945), Đường vô Nam (1946), Ở rừng (1947-1948), Đôi mắt (1948). *** Một số tài liệu nghiên cứu riêng hoặc có thể đề cập đến Nam Cao:** - Bích Thu (tuyển chọn và giới thiệu 2007) Nam Cao - Tuyển tập Nam Cao (2020), NXB Văn học, Hà Nội.
Nhiệm vụ 3: Đọc ghi chép và tổng hợp các thông tin cần thiết về một tác giả ***- GV đặt câu hỏi để HS thực hiện.*** Đọc, ghi chép và tổng hợp các thông tin cần thiết về một tác giả cần chú	**3. Đọc, ghi chép và tổng hợp các thông tin cần thiết về một tác giả** a. Đọc và ghi chép thông tin về tiểu sử tác giả - Tên khai sinh của tác giả và các bút danh (nếu có), năm sinh, năm mất (nếu đã mất); - Quê quán, gia đình, đặc điểm con người; - Thiên hướng và các chặng đường sáng tác; - Các tác phẩm tiêu biểu; - Các giải thưởng (nếu có). b. Đọc và ghi chép thông tin về tác phẩm của tác giả * Đọc và ghi chép thông tin chi tiết: - Bắt đầu đọc những tác phẩm bạn đã được nghe, được biết hoặc tác phẩm có nhan đề trùng với tên của cuốn sách để tạo cảm hứng và ấn tượng ban đầu. - Đọc với tư cách một độc giả để tiếp nhận các giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm hoặc "đọc như một nhà văn" để cảm nhận quá trình sáng tạo tác phẩm, từ đó có thể trở thành người "đồng sáng tạo" với tác giả. - Với những tác phẩm có dung lượng

lớn, thời gian đọc thường kéo dài và người đọc có thể phải tạm ngừng nhiều lần. Nhưng với từng chương, phần cụ thể thì cần bố trí thời gian để đọc trọn vẹn, tránh làm ngắt quãng mạch cảm xúc.

- Vận dụng những kĩ năng đã được rèn luyện trong quá trình đọc văn bản như liên tưởng, tưởng tượng, suy luận, kết nối,... để có thể theo dõi từng chi tiết, hình ảnh, mạch cảm xúc của tác phẩm.

* Tổng hợp, đánh giá

– *Tổng hợp về từng cuốn sách:*

+ Các chủ đề chính được thể hiện; giá trị chung của cuốn sách (bao gồm giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật nổi bật); những nét riêng, dấu ấn riêng mà tác phẩm để lại trong lòng người đọc; vị trí của cuốn sách trong sự nghiệp sáng tác của tác giả.

+ Nếu bạn đọc một tuyển tập có tập hợp các tác phẩm bao gồm nhiều thể loại thì nội dung tổng hợp tương ứng với việc bao quát từng thể loại trong sáng tác của tác giả.

– *Đánh giá chung:*

+ Các giai đoạn sáng tác, thể loại sáng tác chính và các tác phẩm tiêu biểu cho từng giai đoạn, từng thể loại;

+ Chủ đề nổi bật được đề cập trong các tác phẩm;

+ Những vấn đề trọng tâm được đặt ra trong các tác phẩm (theo đặc điểm thể loại đã nêu ở trên), cách giải quyết của tác giả đối với từng vấn đề

+ Những điểm nổi bật về nghệ thuật trong các tác phẩm;

+ Vị trí của các tác phẩm trong nền văn học.

c. Đọc và ghi chép những nghiên cứu, nhận định về tác giả

- Cuộc đời và sự nghiệp;
- Các chặng đường sáng tác và những yếu tố chi phối;
- Quan điểm, khuynh hướng sáng tác, giá trị các tác phẩm;
- Phong cách nghệ thuật của tác giả;
-Vị trí của tác giả trong nền văn học dân tộc.

d. Tổng hợp các nội dung đã đọc và ghi chép

Phiếu đọc về tác giả	
1	Khái quát về tiểu sử và đặc điểm con người của tác giả

	2 | Khái quát về vị trí của tác giả trong lịch sử văn học 3 | Phân chia các chặng đường sáng tác của tác giả 4 | Điểm qua những tác phẩm đặc sắc của tác giả qua các chặng đường sáng tác 5 | Phân tích một số chủ đề nổi bật trong sáng tác của tác giả 6 | Đánh giá chung về những cống hiến tiêu biểu của tác giả cho nền văn học 7 | Nêu ý nghĩa các sáng tác của tác giả trong bối cảnh hiện nay
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: ***Chia lớp thành 3 nhóm để thực hiện***: *+ Trình bày những thông tin mà em tìm hiểu được về tác giả Nguyễn Huy Thiệp với đề tài nông thôn mà ông theo đuổi?* *• Nhóm 1: Tóm tắt tiểu sử tác giả Nguyễn Huy Thiệp?* *• Nhóm 2: Các tác phẩm tiêu biểu về tài nông thôn của Nguyễn Huy Thiệp?* *• Nhóm 3: những nghiên cứu nhận định của Nguyễn Huy Thiệp?* *• Nhóm 4: tổng hợp tất cả những nội dung đã đọc về Nguyễn Huy thiệp* **B2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS tiếp nhận nhiệm vụ **B3: Báo cáo kết quả** - GV mời đại diện nhóm lên trả lời câu hỏi - Các nhóm khác lắng nghe nhận xét **B4: Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, chốt kiến thức.	***Nhóm 1: Tóm tắt tiểu sử tác giả Nguyễn Huy Thiệp (có phiếu riêng)*** ***Nhóm 2: Các tác phẩm viết về đề tài nông thôn của Nguyễn Huy Thiệp*** - Chảy đi sông ơi (1985), Những bài học nông thôn (1988), Thương nhớ đồng quê (1992), Chăn trâu cắt cỏ (1996), Chú Hoạt tôi (2001)… - Ghi chép về tác phẩm: Ví dụ truyện ngắn Chảy đi sông ơi. - Đề tài: Cuộc sống của những con người đánh cá trên sông nước. Cốt truyện: Nhân vật "Tôi" trong một lần được nghe câu chuyện truyền thuyết huyễn hoặc về con trâu đen ở khúc sông nên đã xin đi theo những người đánh cá đêm nhưng gặp toàn ông chủ thuyền ghê gớm, đáng sợ. Có lần khi đi tranh giành luồng cá, nhân vật "tôi" đã bị hất xuống sông và được một người phụ nữ cứu. Sau một thời gian làm trên thành phố nhân vật tôi về lại bến sông xưa thì được tin người phụ nữ cứu mình năm xưa bị chết đuối mà không được ai cứu, điều này đã để lại nhiều cảm xúc và ám ảnh trong lòng nhân vật. Tình huống truyện: Nhân vật "tôi" đã xin đi theo thuyền đánh cá với ước mong được nhìn thấy con trâu đen trong truyền thuyết. Thời gian và không gian truyện: Chủ yếu buổi đêm trên những con thuyền đánh cá chật chội, tăm tối. Nhân vật: Những con người bặm trợn với những câu chuyện nửa thực, nửa hư ghê rợn, nhưng cũng có những con người

	nhân hậu hiểu đời, hiểu người và làm việc cao đẹp như chị Thắm. Ngôi kể: ngôi thứ nhất, nhân vật xưng tôi, người chứng kiến và trải nghiệm nhiều cung bậc của cuộc sống. Nghệ thuật nổi bật: Xây dựng hình ảnh biểu tượng, dòng sông như dòng đời luôn trôi chảy, chảy mang theo hết thảy những vui buồn, Nhưng có những điều vẫn luôn ở lại, ám ảnh, day dứt như khát khao kiếm tìm con trâu đen trong kí ức tuổi thơ của nhân vật tôi. + Những câu văn tiêu biểu: Chảy đi sông ơi/ băn khoăn làm gì?/ Rồi sông đãi hết/ anh hùng còn chi?... Con sông tựa như giật mình phút chốc sau đó lại lặng im trôi, giống như một người hiểu biết tất cả nhưng đang mê mải suy nghĩ, chẳng cần mà cũng chẳng thèm biết đến xung quanh chộn rộn những gì. Đừng trách họ thế- người phụ nữ an ủi giọng nói ngân nga như hát – có ai yêu thương họ đâu…. Họ đói mà ngu muội lắm…. **Nhóm 3: nghiên cứu, nhận định về tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp** - Nguyễn Huy Thiệp đã làm một cuộc cách mạnh trong tư duy nghệ thuật, những tác phẩm của ông mang lại cho người đọc một cảm gác vừa thân quen, vừa lạ lẫm, vừa truyền thống vừa hiện đại. Ta có thể vừa đọc, vừa nhận ra một Nguyễn Huy Thiệp vừa cá tính, vừa phóng khoánh trong truyện ngắn đọc rất tự nhiên của ông. (Trần Quỳnh Nga – baohatinh.vn) - Chị Thắm trong "Chảy đi sông ơi" cứu không biết bao nhiêu người chết đuối, khi nghe chú bé trách bọn đánh cá đêm độc ác chị nói với em " Đừng trách họ thế (…) có ai yêu thương họ đâu…". Đó là tấm lòng bao dung sẵn sàng mở ra thông cảm với mọi người, kể cả kẻ ác. (Hồ Tấn Nguyên Minh – vanhocsaigon.vn) **Nhóm 4: Tổng kết tất cả những nội dung đã đọc về Nguyễn Huy Thiệp (hướng đọc về đề tài nông thôn)**

Nhóm 1: Tóm tắt Tiểu sử tác giả Nguyễn Huy Thiệp

Năm	Nội dung
1950	Sinh ra tại tỉnh Thái Nguyên, quê thuộc huyện Thanh Trì – Hà Nội
1960	Gia đình chuyển về Hà Nội định cư ở xóm Cò, thôn KHương Hạ, xã Khương Đình, huyện Thanh Trì (nay là phố Khương Hạ, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân) Hà Nội
1970	Tốt nghiệp khoa Sử, trường Đại học sư phạm Hà Nội
1980-1992	Chuyển về làm tại Bộ Giáo dục và Đào tạo, sau đó làm việc tại Công Ty Kĩ thuật trắc địa bản đồ, Cục bản đồ.
1986	Bắt đầu nổi tiếng với một số truyện in trên Tuần báo Văn nghệ (Muối của rừng, Nàng Sinh, Cô My, Vết trượt) khi đã 36 tuổi.
1987	Tác phẩm Tướng về hưu đánh dấu vị trí của Nguyễn Huy Thiệp trên văn đàn văn học Việt Nam.
1985-2000	Một loạt truyện ngắn tiêu biểu viết về đề tài nông thôn, miền núi, thành thị ra đời (Chảy đi sông ơi, Những bài học nông thôn, Những ngọn gió Hua Tát, Những người thợ xẻ, Không có vua….)
2006-2008	Các giải thưởng: Giải thưởng hội nhà văn Hà Nội cho tiểu luận văn chương Giăng lưới bắt chim (2006), Huân chương văn học nghệ thuật pháp (2007), Giải thưởng premini Nonino (I-ta-li-a 2008)
2021	Mất tại nhà riêng ở phố Bùi Xương Trạch, quận Thanh Xuân, Hà Nội
2022	Được truy tặng giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

Nhóm 4:

Phiếu đọc về tác giả Nguyễn Huy Thiệp

1. Khái quát về tiểu sử và đặc điểm con người tác giả
- Tiểu sử: Nhóm 1
- Đặc điểm con người: Từng có nhiều thời gian lưu lạc khắp các cùng quê Bắc Bộ nên rất
hiểu về đời sống nông thôn Việt Nam đặc biệt là miền Bắc.
2. Những tác phẩm tiêu biểu của tác giả về đề tài nông thôn
+ Ghi tên 5 tác phẩm và tóm tắt nội dung đọc về 5 tác phẩm nổi tiếng của tác giả (có thể chọn đọc sâu 2-3 tác phẩm)
3. Những vấn đề nổi bật về đề tài nông thôn được đề cập đến trong sáng tác của tác giả
- Làng quê nghèo, xơ xác và số phận của những người dân quê chân lấm tay bùn (phụ nữ, trẻ em, trai làng), những con người lam lũ, sống buồn tẻ, nhàm chán, an phận.
- Không gian sống của làng quê: thiên nhiên nguyên sơ, thanh bình, môi trường tự nhiên đang bị hủy hoại
- Các giá trị văn hóa của làng quê: đặc trưng văn hóa làng xã sự biến đổi các giá trị văn hóa truyền thống trong xã hội nhiều biến động.
4. Phân tích một số vấn đề nổi bật trong sáng tác về đề tài nông thôn của tác giả
Chọn 1,2 vấn đề nêu trên (mục 3) để phân tích minh họa bằng một số tác phẩm đã đọc.
5. Đánh giá chung về những giá trị đặc sắc của tác giả về đề tài nông thôn

- Qua những trang viết về nông thôn, Nguyễn Huy Thiệp đã thể hiện một số nét đặc sắc trong cảm hứng và nghệ thuật sau:
+ Xót thương và trăn trở về một nông thôn đang dần thay đổi, đặc biệt là sự phai nhạt dần các đặc trưng văn hóa làng xã.
+ Khẳng định chất thơ và những giá trị vật chất và tinh thần của một nông thôn Việt Nam vẫn luôn tiềm ẩn, bền vững.
+ Tái hiện một bức tranh nông thôn vừa gần gũi, chân thực vừa ma mị, ám ảnh những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng.
6.Ý nghĩa các sáng tác của tác giả trong bối cảnh hiện nay
+ Khẳng định vẻ đẹp và những giá trị vĩnh hằng của nông thôn Việt Nam

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức về cách đọc tác giả văn học đã học
b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi liên quan
c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời HS chọn
d. Tổ chức thực hiện
B1: Chuyển giao nhiệm vụ
Viết bài giới thiệu về một tác giả tự chọn theo một trong các hướng triển khai khác nhau.
B2:Thực hiện nhiệm vụ
HS tiếp nhận nhiệm vụ học tập
B3: Báo cáo kết quả
GV có thể dành thời gian khoảng 7-10’ để HS trình bày ý tưởng rồi viết trên lớp hoặc ở nhà
B4: Đánh giá kết quả thực hiện:
GV chữa bài tập nhận xét và chuẩn bị kiến thức
Gợi ý:
"*Trăm năm trong cõi người ta*
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau."
Đọc hai câu thơ trên chắc hẳn người đọc sẽ nhận ta ngay đó là "Truyện Kiều"- một kiệt tác của đại thi hào dân tộc, Nguyễn Du. Ông là một nhà thơ nhân đạo, lỗi lạc đã dùng tài năng văn chương của mình để viết lên những bài học nhân đạo để cho đời.
Nguyễn Du, tên chữ là Tố Như, tên hiệu là Thanh Hiên. Ông sinh năm 1765 mất năm 1820. Quê cha của ông ở tỉnh Hà Tĩnh, quê mẹ ở Bắc Ninh nhưng ông lại được sinh ra ở Thăng Long. Nhờ đó, ông có trong mình một nền văn hóa sâu rộng về các vùng. Có thể nói, quê hương của ông là một vùng đất linh kiệt, hiếu học, trọng tài, thêm vào đó, gia đình ông có truyền thống học vấn uyên bác vì thế quê hương và gia đình chính là gốc rễ để nuôi dưỡng nên một nhà thơ uyên bác, đại thi hào dân tộc - Nguyễn Du.
Từ đời ông cha đã làm quan to trong triều đình, nên khi còn nhỏ, Nguyễn Du đã được sống trong nhung lụa. Tuy nhiên, khi ông lên mười tuổi, thì ông mồ côi cả cha lẫn mẹ, và từ đó cuộc sống của ông trở nên gập ghềnh, chính ông đã trải qua một thời kì lịch sử đầy biến động của xã hội phong kiến. Vì vậy các tác phẩm của ông đều chứa đựng một chiều sâu về xã hội con người bấy giờ.
Nguyễn Du là người học cao hiểu rộng, tài năng nên sự nghiệp làm quan của ông khá thành đạt. Nhưng ông vẫn không màng đến sự giàu sang, phú quý ấy, lòng ông luôn đau đáu những nỗi niềm khó tả. Ông chứng kiến cuộc sống của nhân dân, những mặt trái của xã hội, lòng ông đau xót, yêu thương dân, và ông chỉ có thể bày tỏ nỗi lòng qua chính những câu thơ, câu văn của mình.
Về sự nghiệp văn học của ông, ông đã để lại cho thế hệ con cháu đời sau một tài sản văn chương đồ sộ. Ông có ba tập thơ chữ Hán: Thanh Hiên thi tập, Nam trung tạp ngâm và Bắc hành tạp lục. Những tác phẩm chữ Hán của ông được đánh giá là giản dị, tinh luyện mà tài hoa. Thơ chữ Nôm, ông có hai kiệt tác, đó là Đoạn trường tân thanh (Truyện Kiều) và Văn tế thập loại chúng sinh.

Có thể nói rằng Truyện Kiều là một dấu ấn, một ngôi sao sáng nhất trong các tác phẩm văn học của ông. Truyện Kiều được Nguyễn Du chuyển dịch từ một câu chuyện của Trung Quốc và được nhân dân ta đón nhận một cách nồng nhiệt mà say sưa trong từng câu thơ. Bởi tác phẩm ấy như là một tiếng nói phản ánh lên các vấn đề của xã hội, số phận của những con người bị chà đạp, bị đẩy đến bước đường cùng của cuộc đời, đặc biệt là thân phận người phụ nữ qua nhân vật Kiều. Hiện nay, Truyện Kiều vẫn nắm giữ trong mình một lượng người đọc, người hâm mộ lớn. Tác phẩm còn được dịch sang nhiều thứ tiếng nước ngoài như tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Trung... Tổng thống Mỹ - Obama, một lần có chuyến thăm sang Việt Nam, ông đã dùng câu thơ trong Truyện Kiều để kết thúc bài phát biểu của mình:

"Rằng trăm năm cũng từ đây
Của tin gọi một chút này làm ghi."

Dễ thấy, tác phẩm văn học của ông " sâu sắc" đặc biệt như thế nào. Trong từng tác phẩm, câu văn, thơ chữ của ông đều toát lên tinh thần nhân đạo, những giá trị hiện thực sâu sắc, phản ánh một cách chân thực cuộc sống nhân dân. Nguyễn Du đã góp công to lớn trong việc làm cho ngôn ngữ Tiếng Việt trở nên trong sáng, tinh tế giàu có, ta có thể thấy rõ qua cách dùng từ tiếng Việt linh hoạt trong Truyện Kiều. Nghệ thuật trong miêu tả tâm lí nhân vật thật sắc bén mà dễ hiểu, dễ cảm thông.

Những đóng góp của Nguyễn Du cho nền văn học là rất lớn. Ông đã được UNESCO công nhận là danh nhân văn hóa thế giới. Nguyễn Du xứng đáng nhận được danh hiệu đó, bởi ông không chỉ những là một nhà thơ tài ba mà còn là một con người có tấm lòng nhân hậu sâu sắc, yêu nước thương dân, luôn khao khát một cuộc sống bình yên, ấm no, hạnh phúc cho dân tộc.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để đọc về một tác giả văn học yêu thích

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để đọc về một tác giả văn học yêu thích

c. Sản phẩm học tập: bài tập hoàn thành của HS

d.Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

Sưu tầm những bài viết hay về tác giả văn học để tham khảo mở rộng kiến thức và học hỏi thêm về cách viết.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tiếp nhận nhiệm vụ học tập

B 3: Báo cáo kết quả

GV có thể yêu cầu HS tìm đọc và sưu tầm thông tin về các tác giả văn học lớn

B4: Đánh giá kết quả thực hiện:

GV chữa bài tập nhận xét và chuẩn bị kiến thức

Gợi ý: HS có thể sưu tầm qua internet, trên báo in, trên các sách….

Hướng dẫn về nhà

+ Ôn tập bài học về nhà ***Cách đọc về một tác giả văn học***

+ Soạn bài : ***Cách viết về một tác giả văn học.***

Ngày soạn:

CHUYÊN ĐỀ 3: ĐỌC, VIẾT VÀ GIỚI THIỆU VỀ MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC

PHẦN 2: VIẾT VỀ MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC (5 tiết)

I. Mục tiêu:

1. Về kiến thức

- Nhận biết được một số đặc điểm nổi bật về sự nghiệp văn chương và phong cách nghệ thuật của một tác giả lớn.
- Biết cách đọc một tác giả văn học lớn.
- Biết viết bài giới thiệu về một tác giả văn học.
- Vận dụng được những hiểu biết từ CĐ để đọc hiểu và viết về những tác giả văn học khác.
- Biết thuyết trình về một tác giả văn học.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực cốt lõi: Nói và viết

- Biết các yêu cầu và cách thức nghiên cứu một tác giả văn học
- Biết viết một báo cáo nghiên cứu về một một tác giả văn học.
- Vận dụng được một số hiểu biết từ chuyên đề để đọc hiểu và viết về một tác giả văn học
- Biết thuyết trình về một tác giả văn học

Quy trình viết

Viết được văn bản báo cáo đúng quy trình, kết hợp những nội dung được học trong chương trình với những nội dung được mở rộng, đi sâu; có hiểu biết về vấn đề quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn.

Thực hành nói và viết

- Viết và thuyết trình được một văn bản viết về một tác giả văn học.

2.Về phẩm chất

- Rèn luyện tư duy khoa học, biết vận dụng một số thao tác nghiên cứu cơ bản nhằm chiếm lĩnh tri thức.
- Biết liên kết nhiều nội dung tri thức, kỹ năng trong quá trình học tập để phát triển năng lực.
- Giải quyết được một vấn đề học tập mang tính phức hợp, đòi hỏi có sự kết nối với thực tiễn và tìm ra được các chiến lược, cách thức giải quyết vấn đề.
- Hướng đến lối sống tích cực, hoàn thiện nhân cách bản thân.

II. Thiết bị và học liệu

1. Về phía học sinh: Chuyên đề học tập ngữ văn lớp 11, hồ sơ, tài liệu, sách tham khảo, tranh, ảnh, bảng biểu, video clip.

2. Về phía giáo viên:

- Phiếu học tập để học sinh chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Bút màu, giấy để trình bày sản phẩm.
- Tài liệu tham khảo sách báo tạp chí về văn học dân gian, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet, máy chiếu.
- Một số sản phẩm của học sinh hoặc hồ sơ tài liệu sau khi hoàn thành phần 1 của chuyên đề 3

III. Tiến trình dạy học

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

<table>
<tr><th>HĐ của GV và HS</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td>Phương pháp:
Kĩ thuật: KWL
B1: Chuyển giao nhiệm vụ:
GV đặt câu hỏi: Tại sao cần nghiên cứu về tác giả văn học?
B2: Thực hiện nhiệm vụ:
- GV trình chiếu Clip
- GV hướng dẫn HS tư duy qua các câu hỏi: Tại sao cần nghiên cứu về tác giả</td><td>Học sinh trình bày những hiểu biết của mình qua bảng K – W – L và trả lời câu hỏi được đặt ra
<table><tr><th>K (Đã biết)</th><th>W (Muốn biết)</th><th>L (Đã học được)</th></tr></table>
Dự kiến trả lời câu hỏi:
Hiểu về cuộc đời, tư duy và tình cảm của</td></tr>
</table>

văn học? - HS xem Clip, suy nghĩ cá nhân - GV quan sát, gợi ý nếu cần. **B3: Báo cáo, thảo luận:** - HS trả lời theo ý nghĩ cá nhân - Các HS khác quan sát, bổ sung ý kiến. **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, dẫn vào nội dung bài học.	tác giả có thể giúp bạn thấu hiểu sâu hơn về nội dung và thông điệp của tác phẩm. Nghiên cứu về tác giả giúp bạn xem xét cách tác giả thể hiện ý kiến, giá trị và trải nghiệm cá nhân trong tác phẩm của mình.
➔ **GV dẫn vào bài:** Tác giả không chỉ là người sáng tác ra những câu chữ trên trang giấy, mà còn là người mang trong mình những tư tưởng, cảm xúc và cái nhìn về thế giới. Khi chúng ta tìm hiểu về tác giả, chúng ta đang bước vào tâm hồn của họ, tìm hiểu về ngữ cảnh xã hội, lịch sử và tầm quan trọng của tác phẩm. Hôm nay chúng ta tiếp tục bài học "Đọc, viết, giới thiệu về một tác giả văn học" với phần II – Viết về một tác giả văn học.	

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- Biết viết bài về một tác giả văn học đã đọc thiên về giới thiệu, quảng bá (thông tin về tiểu sử, quá trình sáng tác, thành tựu nổi bật trong sự nghiệp văn học của tác giả -văn bản thông tin)
- Biết viết bài về một tác giả văn học đã đọc thiên về nghiên cứu văn học (trình bày kết quả nghiên cứu về phong cách nghệ thuật – kiểu văn bản nghị luận)
- Biết viết bài về một tác giả văn học đã đọc thiên về thưởng thức, cảm nhận (bày tỏ những cảm xúc, rung động, trải nghiệm của cá nhân về một giá trị nổi bật nhất trong sự nghiệp văn học của tác giả -kiểu văn bản văn học)

b. Nội dung: Đọc và xác định mục đích, tìm hiểu cách viết bài viết thiên về giới thiệu, quảng bá; về nghiên cứu văn học; về thưởng thức, cảm nhận về một tác giả văn học đã đọc.

c. Sản phẩm:

- HS thực hiện viết bài của từng kiểu bài theo 3 hướng viết.

d. Cách thức tổ chức thực hiện:

1. Hoạt động 1: Xác định mục đích viết

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
+ Phương pháp thảo luận cặp đôi: GV cho HS tự chọn cặp đôi trao đổi. + Kĩ thuật XYZ -212 + Thời gian thực hiện: thảo luận và trao đổi 2 phút. **B1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV hướng dẫn HS tìm hiểu mục đích viết theo hướng viết giới thiệu về sự nghiệp văn học của một tác giả, hướng nghiên cứu phong cách nghệ thuật, hướng chân dung một tác giả văn học. **B2: Thực hiện nhiệm vụ** - Các thành viên lớp trao đổi, thảo luận cặp đôi (X- 2 HS) (Y – 1 HS 1 ý kiến) (Z – 2 phút thực hiện)	**I. Xác định mục đích viết** + Giúp HS hiểu được các mục đích viết khác nhau về một tác giả văn học như: giới thiệu, quảng bá, nghiên cứu văn học, thưởng thức, tri âm. + Giúp HS nhận ra sự phong phú và xác định được kiểu văn bản cần viết như: văn bản thông tin, văn bản nghị luận, văn bản văn học.

và ghi kết quả vào vở soạn. - Thảo luận: thời gian 2 phút **B3: Báo cáo sản phẩm** - GV gọi ngẫu nhiên 4 HS đại diện trình bày. + Mục đích giới thiệu tác giả: Nêu được thông tin đầy đủ về tiểu sử, quá trình sáng tác, thành tựu nổi bật trong sự nghiệp văn học của tác giả (văn bản thông tin) + Mục đích nghiên cứu văn học: trình bày những kết quả nghiên cứu về phong cách nghệ thuật (có nhiều yếu tố nghị luận) + Mục đích thưởng thức và cảm nhận, bày tỏ cảm nhận, rung động của cá nhân. - Bạn khác nhận xét, bổ sung. **B4: Đánh giá kết quả thực hiện** - GV nhận xét và chốt ý.	
2. Hoạt động 2: Tìm hiểu một số hướng viết bài về một tác giả văn học.	
HĐ của GV và HS	**Dự kiến sản phẩm**
+ Phương pháp thảo luận nhóm: GV chia nhóm thành 3 nhóm tương ứng tìm hiểu ba văn bản đọc tương ứng. Mỗi nhóm tìm hiểu yêu cầu chung của bài viết theo nhóm lựa chọn và tìm hiểu cụ thể văn bản đọc (thông qua thẻ chỉ dẫn). HS đọc và trả lời câu hỏi sau khi đọc. + Kĩ thuật trạm + Thời gian thực hiện: thảo luận và trao đổi 3 phút/ trạm/lượt, chia sẻ 10 phút/ nhóm. + Nhiệm vụ: Giáo viên hướng dẫn HS tìm hiểu về hướng viết giới thiệu về sự nghiệp văn học của một tác giả, hướng nghiên cứu phong cách nghệ thuật, hướng chân dung một tác giả văn học. **Thao tác 1: Viết bài theo hướng viết giới thiệu về sự nghiệp văn học.** **I. Giới thiệu về một sự nghiệp văn học của một tác giả.** **B1: Chuyển giao nhiệm vụ** **Nhiệm vụ trạm 1 – lượt 1:** - Đọc văn bản *"Tố Hữu –nhà thơ cách mạng"* - Bài viết đã cung cấp những thông tin đáng chú ý nào về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Tố Hữu. ***Gợi ý:*** *- Giới thiệu hoàn cảnh xuất thân và các cương vị xã hội mà nhà thơ từng đảm nhiệm.* *- Thơ Tố Hữu trước và sau cách mạng có những đặc điểm nổi bật nào? /Chỉ ra những đặc điểm nổi bật trong thơ Tố Hữu trước và sau cách mạng.*	**II. Một số hướng viết bài về một tác giả văn học.** **1. Viết bài theo hướng giới thiệu về sự nghiệp văn học.** - Đặc điểm và yêu cầu của bài viết theo hướng giới thiệu sự nghiệp văn học của một tác giả. + Trình bày được các thông tin về tiểu sử, quá trình hoạt động văn học, các thành tựu chính của tác giả. + Cung cấp thông tin cụ thể, đầy đủ, rõ ràng, chính xác. + Văn phong khoa học.

- *Nêu những ý kiến quyết định hoạt động văn nghệ của Tố Hữu?* **Nhiệm vụ trạm 2 – lượt 1.** - Đọc văn bản *"Tố Hữu –nhà thơ cách mạng"* - Trong bài viết, việc triển khai thông tin đã được tác giả thực hiện như thế nào? ***Gợi ý:*** … **Nhiệm vụ trạm 3 – lượt 1.** - Đọc văn bản *"Tố Hữu –nhà thơ cách mạng"* - Anh/ chị có nhận xét gì về những ý kiến đánh giá nhà thơ Tố Hữu được nêu trong bài viết? ***Gợi ý:*** *- Đánh giá thành tựu và hạn chế của thơ Tố Hữu.* **B2: Thực hiện nhiệm vụ** - Các thành viên nhóm 1,2,3 trao đổi, thảo luận và ghi kết quả vào phiếu học tập số 1 - Thảo luận: thời gian 2 phút/ trạm - Trình bày và trao đổi: Mỗi nhóm cử đại diện 1 bạn trình bày 2 phút, trao đổi giữa các nhóm 3 phút. - HS đọc và viết theo sự chi phối của tư duy logic hoặc HS đọc và viết theo kiểu lấy sự rung động làm điểm tựa (chọn hướng viết phù hợp) **B3: Báo cáo sản phẩm** - Đại diện của nhóm trình bày - Nhóm khác nhận xét, bổ sung. **B4: Đánh giá kết quả thực hiện** - GV hướng dẫn HS đọc kĩ nội dung về các ý kiến đánh giá trong bài viết và so sánh với các ý kiến được GV nêu ở trên. - GV tổng kết lại đặc điểm và yêu cầu của bài viết theo hướng giới thiệu sự nghiệp văn học của một tác giả. - GV nhận xét và chuẩn kiến thức.	
Thao tác 2: Tìm hiểu đặc điểm và yêu cầu viết bài theo hướng nghiên cứu về phong cách nghệ thuật tác giả Nguyễn Tuân. **Nhiệm vụ trạm 1 – lượt 2:** - Đọc văn bản *"Nguyễn Tuân, một phong cách độc đáo và tài hoa"* - Bài viết đã nhận diện về phong cách Nguyễn Tuân như thế nào? *Gợi ý:* *- Nhận xét khái quát về phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân.* *- Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân thể hiện*	**2. Viết bài theo hướng nghiên cứu về phong cách nghệ thuật tác giả** - Đặc điểm và yêu cầu của bài viết theo hướng nghiên cứu phong cách nghệ thuật của một tác giả văn học: + Nhận xét khái quát về phong cách nghệ thuật của một tác giả văn học. + Phân tích những biểu hiện của phong cách đó qua một số bình diện như: cách lựa chọn đề tài (nhân vật, sự kiện, sự việc, …); quan niệm thẩm mĩ: đối tượng, nhân vật; thể

qua cách tiếp cận đối tượng nào? **Nhiệm vụ trạm 2 – lượt 2:** - Đọc văn bản *"Nguyễn Tuân, một phong cách độc đáo và tài hoa"* - Cách thức diễn giải minh họa của tác giả có gì đáng chú ý? ***Gợi ý:*** *- Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân thể hiện qua cách lựa chọn đối tượng miêu tả, thể hiện.* *- Biểu hiện của quan niệm thẩm mĩ ở Nguyễn Tuân: yêu thích cái đẹp xưa cũ.* *Mối quan tâm thường trực ở Nguyễn Tuân: phát hiện chiều sâu lịch sử -văn hóa của đối tượng miêu tả, thể hiện.* **Nhiệm vụ trạm 3 - lượt 2:** - Đọc văn bản *"Nguyễn Tuân, một phong cách độc đáo và tài hoa"* - Dựa vào cách triển khai văn bản ***"Nguyễn Tuân, một phong cách độc đáo và tài hoa"***, anh/ chị hãy lựa chọn và tìm những ý chính cho bài viết nghiên cứu phong cách nghệ thuật của tác giả Nguyễn Tuân hoặc một tác giả trong SGK Ngữ văn lớp 11. ***Gợi ý:*** *- Thể loại ưu thích của tác giả là gì?* *- Cách tác giả kiến tạo đặc trưng riêng cho thể loại.* *- Ngôn từ độc đáo của tác giả.* - GV hướng dẫn HS đọc kĩ nội dung về các ý kiến đánh giá trong bài viết. **B2: Thực hiện nhiệm vụ** - Các thành viên nhóm 1, 2, 3 trao đổi, thảo luận và ghi kết quả vào phiếu học tập số 2. - Thảo luận: thời gian 2 phút/ trạm - Trình bày và trao đổi: Mỗi nhóm cử đại diện 1 bạn trình bày 2 phút, trao đổi giữa các nhóm 3 phút. **B3: Báo cáo sản phẩm** - Đại diện của nhóm trình bày - Nhóm khác nhận xét, bổ sung. **B4: Đánh giá kết quả thực hiện** - GV hướng dẫn HS so sánh với các ý kiến được các nhóm. - GV nhận xét - GV tổng kết lại đặc điểm và yêu cầu của bài viết theo hướng nghiên cứu về phong cách nghệ thuật tác giả.	loại nỗi bật; nghệ thuật sử dụng ngôn từ, … + Thể hiện cái nhìn bao quát của người viết về những giá trị nổi bật, xuyên suốt làm nên sức hấp dẫn trong phong cách nghệ thuật của tác giả. + Thể hiện quan điểm đánh giá khách quan với những bằng chứng phong phú, sát hợp. + Ngôn ngữ đảm bảo tính khoa học.
Thao tác 3: Viết bài theo hướng chân dung tác giả Hồ Xuân Hương.	**3. Viết bài theo hướng dựng chân dung một tác giả văn học.**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ **Nhiệm vụ trạm 1 – lượt 3:** - Đọc văn bản *"Hồ Xuân Hương – kì nữ, kì tài"* - Tác giả bài viết đã có ấn tượng nổi bật về những điều gì trong cuộc đời và thơ ca của Hồ Xuân Hương? ***Gợi ý:*** *- Giới thiệu về tác giả và nêu cảm nhận chung* *- Nêu cảm nghĩ về thân phận phụ nữ thời phong kiến* *- Trình bày cảm nghĩ về cuộc đời nhà thơ* *- Bày tỏ cảm xúc về bi kịch của thời đại, bi kịch của nữ giới.* **Nhiệm vụ trạm 2 – lượt 3:** - Đọc văn bản *"Hồ Xuân Hương – kì nữ, kì tài"* - Những câu chữ nào trong bài viết thể hiện rõ sự đồng cảm, ngưỡng mộ của tác giả đối với nhà thơ Hồ Xuân Hương như thế nào? ***Gợi ý**:* *- Nếu cảm nghĩ về thơ Hồ Xuân Hương.* *- Bàn luận về cái nhìn độc đáo của Hồ Xuân Hương trong thơ.* **Nhiệm vụ trạm 3 – lượt 3:** - Đọc văn bản *"Hồ Xuân Hương – kì nữ, kì tài"* - Bài viết đã giúp bạn hình dung được một Hồ Xuân Hương như thế nào trong đời và trong thơ? ***Gợi ý**:* *- Nhận xét về tinh thần giải phóng phụ nữ của nhà thơ.* *- Vấn đề nổi bật trong thơ Hồ Xuân Hương.* *- Chỉ ra nét đặc sắc nhất trong thơ Hồ Xuân Hương.* *- Đánh giá thành tựu thơ Hồ Xuân Hương.* *- Kết luận về nhà thơ Hồ Xuân Hương.* - GV hướng dẫn HS đọc kĩ nội dung về các ý kiến đánh giá trong bài viết. **B2: Thực hiện nhiệm vụ** - Các thành viên nhóm 1, 2, 3 trao đổi, thảo luận và ghi kết quả vào phiếu học tập số 3. - Thảo luận: thời gian 2 phút/ trạm - Trình bày và trao đổi: Mỗi nhóm cử đại diện 1 bạn trình bày 2 phút, trao đổi giữa các nhóm 3 phút. **B3: Báo cáo sản phẩm** - Đại diện của nhóm trình bày - Nhóm khác nhận xét, bổ sung. **B4: Đánh giá kết quả thực hiện** - GV hướng dẫn HS so sánh với các ý kiến được	- Đặc điểm và yêu cầu của bài viết theo hướng dựng chân dung một tác giả văn học. + Là cách giới thiệu tác giả theo cảm nhân cá nhân của người đọc nên người viết cần lựa chọn một vải điểm nổi bật trong cuộc đời và tác phẩm của tác giả để trình bày cảm nghĩ, nhận xét, diễn giải. + Dám bày tỏ ý kiến và cảm nghĩ cá nhân một cách khách quan. + Văn phong linh hoạt, biểu cảm. + Có thể sử dụng tranh, ảnh để minh họa.

các nhóm. - GV nhận xét, tổng kết lại đặc điểm và yêu cầu của bài viết theo hướng chân dung một tác giả văn học.	

HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH VIẾT

a. Mục tiêu:

- Giúp HS hiểu được cách triển khai những nội dung chính và đặc điểm của văn phong của mỗi kiểu bài để từ đó thực hành viết.
- Chọn được hướng viết phù hợp với mục tiêu cụ thể và khai thác toàn bộ tư liệu đã chuẩn bị.
- Đảm bảo bài viết có chất lượng, phù hợp với điều kiện cụ thể.

+ Sử dụng ngôn ngữ phù hợp, diễn đạt mạch lạc, chuẩn mực.

b. Nội dung: Hướng vào 3 cách viết đảm bảo yêu cầu và đặc điểm bài viết về một tác giả văn học.

c. Sản phẩm: Mỗi HS thực hiện viết một bài viết tại lớp hoặc có thể thể ở nhà về một tác giả theo một trong ba hướng viết về một tác giả văn học đã học.

*** Báo cáo:** tại lớp

d. Cách thức thực hiện:

Thao tác 1: Chuẩn bị **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: - GV yêu cầu và hướng dẫn HS viết bài về một tác giả tự chọn đã học và dựa vào kết quả thực hiện phiếu số 1, số 2, 3 hoặc kiểm tra phần chuẩn bị về nhà của HS báo cáo sản phẩm trước lớp. **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS đọc 6 tiêu chí cho các kiểu bài viết theo hướng nghiên cứu về tác giả văn học và tái hiện lại kiến thức đã đọc văn bản tiết trước. **B 3: Báo cáo sản phẩm** - Đại diện của cá nhân trình bày - HS khác nhận xét, bổ sung. **B 4: Đánh giá kết quả thực hiện** - GV nhận xét và chuẩn kiến thức. **Thao tác 2: Lập dàn ý** **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: - GV yêu cầu và hướng dẫn HS lập dàn ý bài viết về một tác giả tự chọn đã học theo ba hướng viết đã học và báo cáo sản phẩm trước lớp. **B2: Thực hiện nhiệm vụ** + Học sinh tóm tắt bài viết và xây dựng thành đề cương + Học sinh dựa vào dàn ý đã lập trước khi viết để đối chiếu từng ý trong bài viết với dàn ý (trật tự các ý, ý kiến được thể hiện, cách triển khai…) **B3: Báo cáo sản phẩm** - Đại diện của nhóm trình bày - Nhóm khác nhận xét, bổ sung.	**III. THỰC HÀNH VIẾT** **1. Chuẩn bị** - Những thông tin về tiểu sử, quá trình sáng tác, thành tựu nổi bật của tác giả. - Những thông tin về giá trị đặc sắc của một vài tác phẩm tiêu biểu. - Những cảm nhận của HS về cuộc đời của tác giả và tác phẩm. **2. Lập dàn ý** **a. Bài viết theo hướng giới thiệu sự nghiệp văn học của một tác giả.** *** Mở bài:** Giới thiệu tác giả, nhận xét chung về vị trí hoặc những thành tựu nổi bật của tác giả *** Thân bài:** -Trình bày những thông tin cơ bản về cuộc đời hoặc những yếu tố ảnh hưởng đến sáng tác của tác giả (hoàn cảnh xuất thân, con đường đến với văn chương, đời sống xã hội và văn học) - Quá trình sáng tác: chặng đường sáng tác gắn với tác phẩm theo thể loại. - Thành tựu nổi bật: các giải thưởng tôn vinh của công chúng yêu văn học. *** Kết bài:** Khẳng định vai trò, vị trí của tác giả trong lịch sử văn học dân tộc, trong đời sống xã hội. **b. Bài viết theo hướng nghiên cứu**

B4: Đánh giá kết quả thực hiện - GV nhận xét và chuẩn kiến thức. **3. Thao tác 3: Viết** **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: - GV yêu cầu và hướng dẫn HS viết bài về một tác giả tự chọn đã học và hoàn thiện sản phẩm tại lớp. **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS viết bài về một tác giả tự chọn đã học và báo cáo sản phẩm trước lớp theo nhóm đại diện. **B3: Báo cáo sản phẩm** - Đại diện của nhóm trình bày - Nhóm khác nhận xét, bổ sung. **B 4: Đánh giá kết quả thực hiện** - HS nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét và chuẩn kiến thức.	**phong cách nghệ thuật của một tác giả văn học.** * **Mở bài:** giới thiệu tác giả, nêu nhận xét khái quát về phong cách nghệ thuật của tác giả. * **Thân bài:** - Trình bày tổng quan về phong cách nghệ thuật của tác giả - có trích dẫn một vài ý kiến tiêu biểu. - Nhận diện phong cách nghệ thuật của tác giả, nêu các bình diện, các biểu hiện. - Làm rõ phong cách nghệ thuật của tác giả. * **Kết bài:** Khẳng định vị trí của tác giả trong thời kì văn học hoặc nền văn học Việt Nam. **c. Bài viết theo hướng chân dung một tác giả văn học.** * **Mở bài:** Trình bày ấn tượng đậm nét nhất của người viết về cuộc đời và tác phẩm của tác giả. * **Thân bài:** - Trình bày những cảm xúc, suy nghĩ, trải nghiệm của cá nhân người viết về những vấn đề liên quan đến cuộc đời, tác phẩm của tác giả, làm rõ những nét nổi bật về nội dung và nghệ thuật thể hiện qua các dẫn chứng tiêu biểu. - Trong khi trình bày nên đan xen dẫn lời, dẫn ý của các nhà nghiên cứu phê bình có chuyên môn để thông tin từ nhiều nguồn, tăng thêm sức thuyết phục cho bài viết. - Khi đánh giá về tác giả, nên có những so sánh, liên tưởng, giả định. * **Kết bài:** Nói về những cảm xúc mà cuộc đời và tác phẩm của tác giả đã mang lại hay những cảm nhận từ phía độc giả về sức hấp dẫn của tác giả. **3. Viết** - Khai thác, vận dụng tối ưu những tư liệu thu thập được trong quá trình đọc đã ghi chép dưới hình thức phiếu.

4. Thao tác 4: Chỉnh sửa, hoàn thiện **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: - GV yêu cầu và hướng dẫn HS Chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết về một tác giả tự chọn đã học và thực hiện tại lớp. **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS đọc Tri thức tổng quát trong SGK và tái hiện lại kiến thức trong phần đó. **B3: Báo cáo sản phẩm** - Đại diện của nhóm trình bày - Nhóm khác nhận xét, bổ sung. **B4: Đánh giá kết quả thực hiện** - GV nhận xét và chuẩn kiến thức.	**4. Chỉnh sửa, hoàn thiện** - Kiểm tra độ chính xác của các trích dẫn, đặc biệt trích dẫn từ văn bản văn học được phân tích, đánh giá, giới thiệu. - Rà soát lại bài viết đảm bảo: mạch lạc, liên kết, câu hoàn chỉnh về nội dung và hình thức, có sự nhất quán. - Đảm bảo bài viết đúng chính tả và dung từ, đặt câu chính xác.
HOẠT ĐỘNG 4: BÁO CÁO KẾT QUẢ **Thao tác 1: Hình thức tổ chức** **B 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: - Trên cơ sở phân nhóm theo hình thức HS lựa chọn hướng bài viết, GV chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu và hướng dẫn HS đọc và trao đổi theo nhóm để chọn hai bài viết mà nhóm thấy tâm đắc nhất để trình bày trước lớp. - Các thành viên trong một nhóm trao đổi về thông tin tác giả đã được chọn đề tài viết bài; về kiểu văn bản đã viết; đọc chéo bài của các thành viên trong nhóm để tìm ra hai bài để cả nhóm cùng theo dõi, nhận xét. - Đánh giá: Dựa trên hệ thống tiêu chí đánh giá các kiểu bài để thống nhất và đưa ra tiêu chí tự đánh giá hoặc đánh giá bài viết của nhóm bạn về một tác giả tự chọn đã học và báo cáo sản phẩm trước lớp. - Chọn một bài tiêu biểu để đọc và trao đổi trước lớp. Nhóm 1: Đọc và trao đổi bài viết hướng giới thiệu sự nghiệp văn học của một tác giả. Nhóm 2: Đọc và trao đổi bài viết hướng nghiên cứu phong cách nghệ thuật của một tác giả. Nhóm 3: Đọc và trao đổi bài viết hướng chân dung một tác giả văn học. - GV hướng dẫn HS thực hiện tiêu chí đánh giá số 1, 2, 3 hoặc kiểm tra phần chuẩn bị về nhà của HS. **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS đọc bài các thành viên trong nhóm và tái hiện lại kiến thức SGK trong phần đó và trao đổi. HS xây dựng tiêu chí đánh giá cá nhân và thống nhất tiêu chí đánh giá cho cả nhóm. **B3: Báo cáo sản phẩm** - Đại diện của nhóm trình bày - Nhóm khác nhận xét, bổ sung. **B 4: Đánh giá kết quả thực hiện**	**IV. Báo cáo kết quả** **1. Hình thức tổ chức** Cần đảm bảo bố cục và các nội dung chính sau: **a. Chuẩn bị:** *** Mở đầu**: giới thiệu sơ lược về tác giả, phong cách/ cuộc đời/ cảm xúc. *** Nội dung** - Một số thông tin xung quanh tác giả. - Những ý cơ bản của tác giả. - Một số ý kiến đánh giá về phong cách/ cuộc đời/ cảm xúc. *** Kết thúc:** Nói lời cảm ơn và gửi lời chào tạm biệt đến các vị đại biểu, các thầy cô giáo, các bạn học sinh **b. Trình bày** *** Mở đầu** - Tìm hiểu trước đối tượng để có cách chào, thưa, xưng hô phù hợp. - Tự giới thiệu ngắn về bản thân. - Nêu mục đích của việc trình bày giới thiệu 1 tác giả. - Nêu các thông tin tổng quát. *** Triển khai** - Bám vào đề cương đã chuẩn bị hoặc trình chiếu Power point để trình bày từng ý. Nhấn mạnh trọng tâm vấn đề, thuyết minh rõ ràng, diễn giải, phân tích dẫn chứng ở những chỗ cần làm sáng tỏ. Chú ý tương tác với người nghe. - Nếu có Video chiếu xen kẽ, cần làm rõ sự kết nối giữa bài giới thiệu và hình ảnh. - Tùy thái độ, phản ứng của người

- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.	nghe mà điều chỉnh, bổ sung thông tin cần thiết - Chú ý giọng nói, tốc độ nói cho phù hợp với thể loại tác phẩm và nội dung trình bày. Tuyệt đối tránh tình trạng đọc bài viết soạn sẵn. *** Kết thúc** - Khẳng định lại giá trị của tác giả và sự cần thết của việc nắm được các thông tin cơ bản về tác giả đó đối với việc nâng cao chất lượng học tập môn Ngữ Văn. - Sẵn sàng giải đáp những điều mà người nghe muốn hiểu rõ thêm. **2. Tiêu chí đánh giá bài viết.** - Ba mẫu đánh giá, mỗi mẫu đánh giá có 6 tiêu chí.

Thao tác 2: Tiêu chí đánh giá bài viết.

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhóm 1: Hoàn thành tiêu chí đánh giá bài viết theo hướng giới thiệu sự nghiệp văn học về một tác giả.

Stt	Nội dung đánh giá Cá nhân/ nhóm	Mức độ	
		Đạt	Chưa đạt
1	Trình bày những thông tin cơ bản về cuộc đời, quá trình sáng tác và thành tựu sáng tác của tác giả.		
2	Đảm bảo tính xác thực của thông tin với những ghi chú về thời gian, không gian, số liệu, dẫn chứng có tính tổng hợp, khái quát.		
3	Chọn hình thức triển khai phù hợp, giúp người đọc hình dung toàn vẹn về một sự nghiệp văn học.		
4	Tổ chức bài viết thành các phần hợp lí, đảm bảo mạch lạc, liên kết trong từng đoạn và cả văn bản.		
5	Sử dụng từ ngữ chính xác, diễn đạt chuẩn mực, trong sáng, viết đúng chính tả.		
6	Phối hợp linh hoạt phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ.		

Nhóm 2: Hoàn thành tiêu chí đánh giá bài viết theo hướng nghiên cứu phong cách nghệ thuật của một tác giả.

Stt	Nội dung đánh giá	Mức độ	
		Đạt	Chưa đạt
1	Giới thiệu được những thông tin cơ bản của tác giả và việc nghiên cứu về phong cách nghệ thuật tác giả.		
2	Xác định được phạm vi nghiên cứu về phong cách nghệ thuật của tác giả.		
3	Triển khai nội dung văn bản hợp lí, nêu được những luận		

	điểm khái quát về đặc điểm phong cách nghệ thuật của tác giả.		
4	Làm sáng tỏ được từng đặc điểm trong phong cách nghệ thuật của tác giả thông qua những bằng chứng cụ thể, có tính thuyết phục.		
5	Tổ chức bài viết thành các phần hợp lí, đảm bảo mạch lạc, liên kết trong từng đoạn và cả văn bản.		
6	Sử dụng từ ngữ chính xác, diễn đạt chuẩn mực, viết đúng chính tả, thực hiện việc trích dẫn đúng quy cách, đảm bảo tính khoa học.		

Nhóm 3: Hoàn thành tiêu chí đánh giá bài viết theo hướng chân dung một tác giả văn học.

Stt	**Nội dung đánh giá**	**Mức độ**	
		Đạt	**Chưa đạt**
1	Nếu được thông tin khái quát, sinh động, giàu tính nghệ thuật về tác giả.		
2	Bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ, trải nghiệm cá nhân về tác giả.		
3	Nêu những nét đặc sắc trong sáng của tác giả (văn học và đời sống)		
4	Biết mở rộng liên hệ, so sánh nhằm làm rõ dấu dấn tác giả.		
5	Tổ chức nội dung bài viết linh hoạt, logic, giàu cảm xúc vè tác giả.		
6	Sử dụng từ ngữ chính xác, viết đúng chính tả, diễn đạt chuẩn mực, linh hoạt, giàu hình ảnh và biểu cảm.		

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc tiêu chí, thực hiện đánh giá cá nhân và đánh giá cho nhóm bạn.

B3: Báo cáo kết quả

- Đại diện nhóm trưởng báo cáo kết quả.

B4: Đánh giá kết quả thực hiện

- HS các nhóm đánh giá.
- GV nhận xét, đánh giá.

Hoạt động 4: Luyện tập, vận dụng **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** - Giới thiệu về tác giả Lưu Quang Vũ. - Viết theo hướng chân dung một tác giả văn học. **B2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc tiêu chí, thực hiện viết ở nhà. **B 3: Báo cáo kết quả** - HS nộp bài cho GV sau 2 tuần. **B4: Đánh giá kết quả thực hiện** - GV nhận xét, cho điểm thường xuyên.	**IV. Luyện tập, vận dụng**

Phục lục 1

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 Nhóm 1: Thành viên gồm có: …….		**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**
Nhiệm vụ: **Đọc văn bản "Tố Hữu –nhà thơ cách mạng" và viết bài theo hướng viết giới thiệu về sự nghiệp văn học tác giả Tố Hữu**		
1.	Bài viết đã cung cấp những thông tin đáng chú ý nào về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Tố Hữu. ***Gợi ý:*** *- Giới thiệu hoàn cảnh xuất thân và các cương vị xã hội mà nhà thơ từng đảm nhiệm.* *- Thơ Tố Hữu trước và sau cách mạng có những đặc điểm nổi bật nào? /Chỉ ra những đặc điểm nổi bật trong thơ Tố Hữu trước và sau cách mạng.* *- Nêu những ý kiến quyết định hoạt động văn nghệ của Tố Hữu?*	- Tố Hữu được coi là cùng thế hệ với cây bút nổi tiếng của phong trào Thơ mới như Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Lưu Trọng Lư, … - Tố Hữu làm thơ từ nhỏ và được cha mẹ vun đắp tài năng thơ ca. - Tố Hữu tham gia cách mạng từ rất sớm và đảm nhiệm nhiều trọng trách. - Sáng tác bảy tập thơ: Từ ấy, Việt Bắc, Gió lộng, Ra trận, Máu và hoa, Một tiếng đờn, Ta với ta. - Trước cách mạng, thơ Tố Hữu là thơ mới thể hiện nội dung cách mạng; sau cách mạng thơ Tố Hữu có mặt kịp thời thể hiện cái nhìn khái quát về đời sống cách mạng Việt Nam.
2.	Trong bài viết, việc triển khai thông tin đã được tác giả thực hiện như thế nào? ***Gợi ý:*** …	- Thông tin được thiết lập hệ thống các nội dung thông tin chính: tiểu sử, các vị trí xã hội mà Tố Hữu từng đảm ngân, các sáng tác trước cách mạng, các sáng tác sau cách mạng, hoạt động lãnh đạo văn nghệ, thành tựu và hạn chế trong các sáng tác. - Diễn giải cụ thể từng phần: liệt kê các thông tin đầy đủ, chính xác. - Nhận xét, đánh giá một cách khái quát, khách quan.
3.	Anh/ chị có nhận xét gì về những ý kiến đánh giá nhà thơ Tố Hữu được nêu trong bài viết? ***Gợi ý:*** *- Đánh giá thành tựu và hạn chế của thơ Tố Hữu.*	- Thơ Tố Hữu nói chính trị, nói những vấn đề lớn của đất nước, của nhân dân mà vẫn mặn mà, say đắm" (Hoài Thanh) - Tố Hữu là nhà thơ của tình cảm lớn, lẽ sống lớn, niềm vui lớn" (Nguyễn Đăng Mạnh) - Tố Hữu là nhà thơ có lí tưởng" (Chế Lan Viên) - Tố Hữu đã đưa thơ chính trị lên trình độ là thơ rất đỗi trữ tình." (Xuân Diệu)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 Nhóm 2: Thành viên gồm có: …….		**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**
Nhiệm vụ: Đọc văn bản "Nguyễn Tuân, một phong cách độc đáo và tài hoa" và viết bài theo hướng nghiên cứu về phong cách nghệ thuật tác giả Nguyễn Tuân.		
1.	**Bài viết đã nhận diện về phong cách Nguyễn Tuân như thế nào?** *Gợi ý:* *- Nhận xét khái quát về phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân.* *- Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân thể hiện qua cách tiếp cận đối tượng nào?*	Thể loại: tùy bút - Luận đề: "một phong cách độc đáo và tài hoa" đã được diễn giải là "thopis quen nhìn sự vật ở mặt mĩ thuật" và "khảo cứu đến kì cùng" chính là nhận xét khái quát của tác giả bài viết về phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân.
2.	Cách thức diễn giải minh họa của tác giả có gì đáng chú ý? ***Gợi ý:*** *- Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân thể hiện qua cách lựa chọn đối tượng miêu tả, thể hiện.* *- Biểu hiện của quan niệm thẩm mĩ ở Nguyễn Tuân: yêu thích cái đẹp xưa cũ.* *Mối quan tâm thường trực ở Nguyễn Tuân: phát hiện chiều sâu lịch sử -văn hóa của đối tượng miêu tả, thể hiện.*	- Cách diễn đạt giàu sức thuyết phục và ví dụ minh họa phong phú, hấp dẫn trong bài viết: + Thiếp lập hệ thống luận điểm phong phú để làm rõ những biểu hiện về phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân: lối viết khảo cứu kĩ lưỡng từ nhiều phương diện; chọn lựa những đối tượng đặc biêt (kì quan, kì nhân, kì sự, …); quan niệm thẩm mĩ yêu thích vẻ đẹp xưa cũ. Chú ý phát hiện chiều sâu lịch sử - văn hóa của đối tượng; thường dùng thể loại tùy bút và tạo dấu ấn riêng thông tin chính xác, bộc lộ cái tôi; ngôn ngữ đặc sắc, từ vựng phong phú, biện pháp tu từ độc đáo, cú pháp đa dạng.
3.	Dựa vào cách triển khai văn bản ***"Nguyễn Tuân, một phong cách độc đáo và tài hoa"***, anh/ chị hãy lựa chọn và tìm những ý chính cho bài viết nghiên cứu phong cách nghệ thuật của tác giả Nguyễn Tuân hoặc một tác giả trong SGK Ngữ văn lớp 11. ***Gợi ý****:* *- Thể loại ưu thích của tác giả là gì?* *- Cách tác giả kiến tạo đặc trưng riêng cho thể loại.* *- Ngôn từ độc đáo của tác giả.*	+ Minh họa bằng những dẫn chứng phong phú, hấp dẫn được chắt lọc từ các chi tiết trong tác phẩm Nguyễn Tuân trước và sau cách mạng, cả truyện và tùy bút (Vang bóng một thời, Sông Đà, Hà Nội ta đánh Mĩ giỏi, …) + Văn phong khoa học, chính xác và tinh tế. "Con người ấy đã yêu thì mê đắm, đã ghét thì phải căm thù… ông lái đò vượt thác song Đà như lao vào thạch trận.

<table>
<tr><td colspan="2">PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3
Nhóm 3: Thành viên gồm có: …….</td><td>DỰ KIẾN SẢN PHẨM</td></tr>
<tr><td colspan="3">Nhiệm vụ: Đọc văn bản “Hồ Xuân Hương – kì nữ, kì tài” và viết bài theo hướng chân dung về tác giả Hồ Xuân Hương.</td></tr>
<tr><td>1.</td><td>Tác giả bài viết đã có ấn tượng nổi bật về những điều gì trong cuộc đời và thơ ca của Hồ Xuân Hương?
Gợi ý:
- Giới thiệu về tác giả và nêu cảm nhận chung
- Nêu cảm nghĩ về thân phận phụ nữ thời phong kiến
- Trình bày cảm nghĩ về cuộc đời nhà thơ
- Bày tỏ cảm xúc về bi kịch của thời đại, bi kịch của nữ giới.</td><td>- Mỗi người có sự lựa chọn một điểm nổi bật trong cuộc đời nhà thơ để bày tỏ cảm nghĩ riêng:
+ Thời đại Hồ Xuân Hương sống và làm thơ
+ Bi kịch đời riêng và bi kịch thời đại.
+ Đặc điểm tính cách của Hồ Xuân Hương.
+ Những nét đặc sắc của thơ Hồ Xuân Hương (tiếng nói nữ giới, sức sống tuổi trẻ, tinh thần chống phong kiến)</td></tr>
<tr><td>2.</td><td>Những câu chữ nào trong bài viết thể hiện rõ sự đồng cảm, ngưỡng mộ của tác giả đối với nhà thơ Hồ Xuân Hương.
Gợi ý:
- Nêu cảm nghĩ về thơ Hồ Xuân Hương.
- Bàn luận về cái nhìn độc đáo của Hồ Xuân Hương trong thơ.</td><td>- Yếu tố ngôn ngữ biểu cảm trong bài viết.
+ Cách đặt nhan đề biểu thị sự ngưỡng mộ: kì nữ, kì tài.
+ Gọi nhà thơ là “nàng”.
+ Dùng cấu trúc trùng điệp và các hình ảnh gợi cảm để nhấn mạnh sự cảm thông, ngưỡng mộ “nàng thông minh, mẫn tiệp, … thì suốt đời mệnh bạc. Nàng ôm đàn mà vắng cả năm cung”
+ Dùng cấu trúc “ Nếu chỉ thấy … là chưa thấy cái hồn Xuân Hương gửi gắm trong thơ” để biện giải, bênh vực.</td></tr>
<tr><td>3.</td><td>Bài viết đã giúp bạn hình dung được một Hồ Xuân Hương như thế nào trong đời và trong thơ?
Gợi ý:
- Nhận xét về tinh thần giải phóng phụ nữ của nhà thơ.
- Vấn đề nổi bật trong thơ Hồ Xuân Hương.
- Chỉ ra nét đặc sắc nhất trong thơ Hồ Xuân Hương.
- Đánh giá thành tựu thơ Hồ Xuân Hương.</td><td>- Là một phụ nữ cá tính và bất hạnh.
- Là một nhà thơ độc đáo:
+ Dám bày tỏ khát vọng sống của người phụ nữ
+ Có ý thức cá nhân sâu sắc.
+ Thơ “tục mà không dâm”
+ Kết hợp được tính dân gian và tính bác học.</td></tr>
</table>

	- Kết luận về nhà thơ Hồ Xuân Hương.	

Phụ lục 2. Rubic đánh giá hoạt động nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	**0 điểm** Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	**1 điểm** Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	**2 điểm** Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	**1 - 3 điểm** Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	**4 – 5 điểm** Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	**6 điểm** Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	**0 điểm** Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	**1 điểm** Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	**2 điểm** Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

Ngày soạn:

CHUYÊN ĐỀ 3: ĐỌC, VIẾT VÀ GIỚI THIỆU VỀ MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC

PHẦN 3: THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC (…. tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nhận biết được một số đặc điểm nổi bật về sự nghiệp văn chương và phong cách nghệ thuật của một tác giả lớn.
- Biết cách đọc một tác giả văn học lớn.
- Biết viết bài giới thiệu về một tác giả văn học đã đọc.
- Biết thuyết trình một tác giả văn học.

2. Về năng lực:

- Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để đọc hiểu một tác giả VH.
- Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,….

3. Về phẩm chất:

- Học sinh có thái độ trân trọng đối với những tác giả văn học lớn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Học liệu

- Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung: GV chuẩn bị câu hỏi dẫn dắt HS tìm hiểu về hình thức giới thiệu về 1 tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết qua phiếu K – W – L.

c. Sản phẩm: Phiếu K – W – L

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>B1. Chuyển giao nhiệm vụ
GV đặt câu hỏi: Nêu đặc điểm của hoạt động thuyết trình và đặc điểm của việc thuyết trình một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết?
B2. Thực hiện nhiệm vụ:
Học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi.
B3. Báo cáo thảo luận:
Học sinh chia sẻ câu trả lời của mình trước lớp.
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
Giáo viên dẫn dắt vào bài học</td><td>Học sinh trình bày những hiểu biết của mình qua bảng K – W – L và trả lời câu hỏi được đặt ra
<table><tr><th>K (Đã biết)</th><th>W (Muốn biết)</th><th>L (Đã học được)</th></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr></table></td></tr>
</table>

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- Bài nói thể hiện được đầy đủ các thông tin cơ bản, giúp người nghe nắm được khái quá về tác giả (cuộc đời, sự nghiệp, phong cách nghệ thuật).
- Ngoài ra, bài nói cần có sức hấp dẫn, lôi cuốn, tác động tích cực đến người nghe.

b. Nội dung:

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
*** Công tác chuẩn bị và lựa chọn cách thức thực hiện** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** - GV yêu cầu HS thực hiện trước ở nhà: - Tình huống 1: Sử dụng kết quả của bài viết đã thực hiện ở phần Viết. GV hướng dẫn HS tóm tắt bài viết và xây dựng thành đề cương. Tóm tắt bài viết, chuyển bản tóm tắt đó thành đề cương bài thuyết trình. - Tình huống 2: Giới thiệu về một tg VH chưa được thực hiện ở hoạt động viết. GV hướng dẫn HS viết (đọc về tg như hướng dẫn ở phần 1, lựa chọn hướng viết, lập đề cương cho bài thuyết trình.) + Hướng dẫn HS lựa chọn một tác giả văn học. + GV hỗ trợ HS tìm sách tham khảo (mua ở hiệu sách, mượn từ thư viện, mượn từ tủ sách cá nhân) + GV gợi ý để HS chuẩn bị thêm các phương tiện hỗ trợ (hình ảnh minh hoạ, phim ngắn, loa, đèn chiếu, PowerPoint để trình chiếu bản tóm tắt,...). **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ, làm việc theo nhóm chọn cùng đề tài để hoàn thành nhiệm vụ. - GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ dưới dạng một buổi sinh hoạt của Câu lạc bộ Văn học - GV đóng vai trò là người cố vấn, quan tâm sâu sát đến công việc cụ thể của tất cả các thành viên; duyệt kịch bản do HS xây dựng; giới thiệu, cung cấp sách cho HS lựa chọn; góp ý về nội dung và chất lượng mĩ thuật của các poster do HS thiết kế và thể hiện. **B3. Báo cáo thảo luận** - GV cung cấp công cụ phiếu đánh giá - GV gọi đại diện một số nhóm trình bày sản phẩm học tập của mình/ nhóm mình. - Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo phiếu đánh giá.	**I. TRÌNH BÀY TRƯỚC LỚP** **1. Chuẩn bị** - Tóm tắt bài viết - Xây dựng thành đề cương có đầy đủ các phần theo bố cục của bài thuyết trình. - Chuẩn bị các phương tiện hỗ trợ **Mở đầu:** - Tìm hiểu trước đối tượng tham dự để có cách chào thưa, xưng hô phù hợp. - Tự giới thiệu ngắn gọn về bản thân (tên, học sinh lớp, trường.) - Nêu mục đích của việc trình bày giới thiệu tác giả văn học. - Nêu các thông tin tổng quát về tác giả (cuộc đời, sự nghiệp, phong cách sáng tác, sự chú ý của dư luận về tác giả). **Triển khai:** - Bám vào đề cương đã chuẩn bị hoặc trình chiếu slide, lần lượt trình bày từng ý. Nhấn mạnh trọng tâm của vấn đề, thuyết minh rõ ràng, diễn giải, phân tích dẫn chứng ở những chỗ cần làm sáng tỏ. Trong quá trình trình bày, cần chú ý tương tác với người nghe (qua ánh mắt, khả năng biểu cảm, ngôn ngữ). - Nếu có video chiếu xen kẽ, cần làm rõ sự kết nối giữa bài giới thiệu và hình ảnh. - Khi trình bày, tuỳ thái độ, sự phản ứng của người nghe để điều chỉnh, bổ sung thông tin cần thiết. - Giọng nói to, nhỏ, nhanh, chậm phải phù hợp với thể loại tác phẩm được giới thiệu và nội dung trình bày. Tuyệt đối tránh tình trạng đọc bài viết soạn sẵn. **Kết thúc:** - Khẳng định lại của tác giả và sự cần thiết của việc nắm được các thông tin cơ bản về tác giả đó đối với việc nâng cao chất lượng học tập môn Ngữ văn. - Sẵn sàng giải đáp những điều người nghe muốn hiểu rõ thêm. **II. TỔ CHỨC SỰ KIỆN** **1. Chuẩn bị** - Xác định mục tiêu của việc tổ chức hoạt

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét và cho điểm HS/nhóm HS. *** Thuyết trình** **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV hướng dẫn, tổ chức phân tích, trao đổi để rút kinh nghiệm và đánh giá về năng lực của HS để phân công nhiệm vụ phù hợp **B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm chọn cùng đề tài để hoàn thành nhiệm vụ. GV cần phát phiếu đánh giá cho HS trước khi người nói trình bày, để các em theo dõi và đánh dấu vào từng ô ứng với các mục **B3: Báo cáo, thảo luận:** - GV cung cấp công cụ phiếu đánh giá: - GV gọi đại diện một số nhóm trình bày sản phẩm học tập của mình/ nhóm mình.	động - Thống nhất về việc chọn tác giả văn học để giới thiệu - Người được giao nhiệm vụ trình bày phải đọc kĩ về tác giả, trao đổi với nhau để soạn đề cương cho bài giới thiệu. - Người được giao dẫn chương trình chuẩn bị kịch bản cho buổi giới thiệu. - Bộ phận phụ trách việc trang trí làm sân khấu, áp phích và chuẩn bị các thiết bị kĩ thuật (máy chiếu, ánh sáng, âm thanh) **2. Triển khai** **- Mở đầu (Công việc của người dẫn chương trình):** + Giới thiệu thầy cô giáo, khách mời, thành phần tham gia. + Nêu lí do và mục đích tổ chức sự kiện giới thiệu về một tác giả văn học (Nguyễn Du, Nam Cao). + Giới thiệu và mời diễn giả (Nguyễn Du, Nam Cao) (các bạn đã nhận nhiệm vụ chuẩn bị đề cương) lên trình bày bài giới thiệu về tác giả văn học. **- Giới thiệu về tác giả** (Nguyễn Du, Nam Cao) (Công việc của người trình bày): + Diễn giả dựa vào đề cương và những gì đã chuẩn bị, có thể trình chiếu các slide, kết hợp dùng ngôn ngữ nói để giới thiệu. + Bằng sự kết nối của người dẫn chương trình, có thể có cuộc trao đổi ngắn giữa diễn giả với cử toạ về khía cạnh nào đó liên quan đến tác giả được giới thiệu. + Người trình bày cần giải đáp nhanh gọn một số câu hỏi do người nghe nêu lên. **- Kết thúc:** + Tóm tắt lại một số hoạt động đã diễn ra, khẳng định ý nghĩa của việc giới thiệu tác giả. + Cảm ơn sự có mặt của các thầy cô, các vị khách và các thành phần tham gia. + Tuyên bố kết thúc sự kiện. **III. THUYẾT TRÌNH** Yêu cầu cụ thể khi thuyết trình: + Chủ động; + Trình bày lưu loát, mạch lạc; + Thường xuyên tương tác với người nghe; + Biết dùng các thủ thuật tạo nên sức hấp dẫn của bài nói; + Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ và thiết bị hỗ trợ có hiệu quả + Phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận (nếu

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo phiếu đánh giá. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét và cho điểm HS/nhóm HS.	tổ chức sự kiện)

Đề cương tham khảo trình bày trước lớp: Tác giả Nguyễn Du

Mở bài:

- Giới thiệu tác giả Nguyễn Du. Nhận xét về vị trí, thành tựu nổi bật của Nguyễn Du. (Nguyễn Du là một nhà thơ, nhà văn hóa kiệt xuất của dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới.)

Thân bài:

- Trình bày những thông tin cơ bản, đáng chú ý nhất về cuộc đời, lưu ý những yếu tố ảnh hưởng lớn đến sáng tác của Nguyễn Du:

+ Hoàn cảnh xuất thân: Nguyễn Du (1765 – 1820), tên chữ Tố Như, hiệu Thanh Hiên, quê tỉnh Hà Tĩnh. Ông sinh trưởng trong gia đình đại quý tộc có truyền thống khoa bảng, nhiều đời làm quan lớn và là dòng tộc có truyền thống sáng tạo nghệ thuật. Hoàn cảnh gia đình tác động sâu sắc đến cuộc đời Nguyễn Du, tài năng văn học của ông vì thế có điều kiện nảy nở và phát triển sớm.

++ Tuổi thơ Nguyễn Du sống hạnh phúc trong giàu sang phú quý. Cha ông là tể tướng trong triều, các anh cũng làm quan to cấp thượng công, gia đình tột cùng giàu sang. Lúc nhỏ, Nguyễn Du thường theo cha và anh vào chơi và học tập cùng các công nương quý tử trong triều nên sớm có được học thức cao đẹp.

++ Lên 11 tuổi, Nguyễn Du mất cha. Hai năm sau, mẹ ông cũng qua đời. Từ đó, Nguyễn Du lưu lạc khắp nơi trong nhân gian. Lúc thì theo anh Nguyễn Khản, lúc về quê mẹ, lúc tại về thành Thăng Long. Cuộc đời gian nan, lận đận, phải gánh chịu không biết bao nhiêu cực khổ.

-> Tác động lớn đến sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du.

+ Thời đại: Ông sống ở cuối thế 18 đầu thế kỷ 19 (một thời đại l/s có nhiều biến động) -> chứng kiến bao sự biến đổi trong lịch sử → tác động tới tình cảm, nhận thức của Nguyễn Du để ông hướng ngòi bút vào hiện thực.

+ Bản thân: ND học giỏi nhưng nhiều lận đận, từng bôn ba nhiều nơi, tiếp xúc nhiều vùng văn hoá khác nhau: phiêu bạt nhiều năm trên đất Bắc sau về ở ẩn tại Hà Tĩnh.

++ Ông từng làm quan bất đắc dĩ dưới triều Nguyễn ánh, nhiều lần đi sứ sang Trung Quốc. Ông có đ/k tiếp xúc nhiều cảnh đời và số phận khác nhau.

++ ND là người có kiến thức sâu rộng: am hiểu về văn hoá dân tộc và văn chương Trung Quốc.

⇒ Sự từng trải trong cuộc đời đã tạo cho ND có một vốn sống phong phú, là ng có trái tim nhân hậu, giàu t/y thương cảm thông sâu sắc với nỗi đau khổ của nhân dân: "Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài".

+ Nguyễn Du là một thiên tài văn học, một nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn, một danh nhân văn hoá của dân tộc và thế giới.

- Sự nghiệp văn học.

+ Ông sáng tác cả vh bằng chữ Hán và chữ Nôm, sáng tác của ông mang tầm vóc của một thiên tài văn học.

++ Thơ chữ Hán có 3 tập thơ: "Thanh Hiên Thi tập", "Nam trung tạp ngâm", "Bắc hành tạp lục"

⇒ gồm 243 bài.

++ Sáng tác chữ Nôm có nhiều t/p có giá trị: "Văn chiêu hồn", "Truyện Kiều".

-> Xuất sắc nhất là "Truyện Kiều" (Đoạn trường tân thanh)

- Một vài đặc điểm về giá trị nội dung và ngệ thuật thơ văn ND:

+ Đặc điểm giá trị nội dung:

++ Giá trị hiện thực:

+++ Văn thơ ND phản ánh sâu sắc bộ mặt của XHPK suy tàn: Số phận đau thương của những con người bé nhỏ, bị XH chà đạp, coi rẻ: Người phụ nữ tài hoa bạc mệnh: Kiều, Tiểu Thanh,… ; Người nghèo khổ: mẹ con người ăn xin; ông già mù hát rong; người phu xe, trẻ con..
+++ Lên án thế lực đồng tiền.
++ Giá trị nhân đạo:
+++ Cảm thông sâu sắc với những đau khổ của con người, cho tài hoa nhan sắc bị vùi dập:
+++ Tố cáo các thế lực bạo tàn, những bất công của XH (DC thơ)
+++ Trân trọng, đề cao tài sắc, nhân phẩm và những khát vọng chân chính của con ngươi: tình yêu tự do, trong sáng, chung thuỷ; giấc mơ về tự do, công lý.
+ Giá trị nghệ thuật:
++ Thơ chữ Hán sử dụng linh hoạt nhiều thể thơ.
++ Thơ chữ Nôm: Việt hoá nhiều từ Hán → làm TV thêm giàu đẹp; Thể thơ lục bát đạt đến đỉnh cao; Lời thơ trau chuốt, giàu sức biểu cảm.
- Những đóng góp quan trọng của Nguyễn Du đối với nền văn học dân tộc.
+ Nội dung:
++ Thơ văn Nguyễn Du có giá trị hiện thực sâu sắc, phản ánh chân thực cuộc đời cơ cực của ông nói riêng, và xã hội đen tối, bất công nói chung.
++ Tác phẩm của Nguyễn Du chứa chan tinh thần nhân đạo - một chủ nghĩa nhân đạo thống thiết, luôn hướng tới đồng cảm, bênh vực, ngợi ca và đòi quyền sống cho con người, đặc biệt là người phụ nữ tài hoa mà bạc mệnh.
+ Nghệ thuật:
++ Về thể loại: Nguyễn Du đã đưa hai thể thơ của truyền thống dân tộc đạt đến trình độ điêu luyện và mẫu mực cổ điển. Nguyễn Du đã tiểu thuyết hóa thể loại truyện Nôm, với điểm nhìn trần thuật từ bên trong nhân vật, và nghệ thuật miêu tả tâm lí tinh tế, sâu sắc.
++ Về ngôn ngữ: Nguyễn Du đã có đóng góp to lớn, làm cho ngôn ngữ Tiếng Việt trở nên trong sáng, tinh tế và giàu có.
-> Nguyễn Du đã có những đóng góp to lớn, thúc đẩy tiến trình phát triển của văn học Việt Nam.

Kết thúc:

- Từ quê hương, xã hội, gia đình, cuộc đời, năng khiếu bẩm sinh, đã tạo cho Nguyễn Du có trái tim yêu thương vĩ đại, một thiên tài văn chương với sự nghiệp văn học có giá trị lớn. Ông là đại thi hào của dân tộc Việt Nam, là danh nhân văn hoá thế giới, đóng góp to lớn đối với sự phát triển của văn học Việt Nam. Nguyễn Du và Truyện Kiều sẽ sống mãi với dân tộc và trở thành linh hồn của dân tộc.

Đề cương tham khảo tổ chức sự kiện: Giới thiệu về tác giả Nguyễn Du

I. Đề cương hoạt động

1. Đơn vị tổ chức: Câu lạc bộ Văn học, Trường THPT …..

2. Mục đích giới thiệu: Hiểu sâu hơn về tác giả Nguyễn Du- một tác giả lớn của VHVN, có văn bản được giới thiệu trong Bài 6, SGK Ngữ văn 11, tập hai - nhằm phục vụ cho việc học tập môn Ngữ văn.

3. Thời gian tổ chức: 8 giờ ngày 26/3/2024.

4. Địa điểm tổ chức: Phòng đa chức năng.

5. Thành phần tham gia:

- Ban điều hành Câu lạc bộ Văn học của trường;
- Ban Giám hiệu và các thầy, cô giáo;
- HS cùng học CĐ;
- Những người quan tâm đến sự kiện.

6. Phân công nhiệm vụ

a. Bộ phận chuẩn bị cơ sở vật chất, phương tiện:

b. Bộ phận trang trí, thiết kế:
c. Bộ phận tiếp tân:
d. Dẫn chương trình:
e. Người giới tác giả:

II. Một số kết quả chuẩn bị

1. Sản phẩm chuẩn bị của nhóm trang trí, thiết kế

Thông tin trên Poster:

GIỚI THIỆU VỀ TÁC GIẢ NGUYỄN DU
ĐƠN VỊ TỔ CHỨC: CÂU LẠC BỘ VĂN HỌC
THỜI GIAN: 8H NGÀY 26/03/2024
ĐỊA ĐIỂM: PHÒNG ĐA NĂNG

(Lưu ý: Khi làm poster và các sản phẩm trang trí khác, tuỳ vào điều kiện cụ thể, HS có thể làm bằng kĩ thuật vi tính hoặc cắt, dán, vẽ bằng tay, miễn sao thể hiện tối đa khả năng sáng tạo)

2. Kịch bản của người dẫn chương trình

Công việc thực hiện:

CÔNG VIỆC	**THỰC HIỆN**
Mục đích tổ chức sự kiện	Sự kiện này phục vụ cho việc học tập Sự kiện có liên quan đến văn bản được chọn vào SGK Ngữ văn 11, tập hai, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống
Giới thiệu đại biểu và thành phần tham dự	Giới thiệu tên cụ thể của đại biểu và thành phần tham dự theo thứ tự sau: - Khách mời ngoài trường - Đại diện BGH - Các thầy cô giáo bộ môn trong tổ ngữ văn - HS khối 11 - Những người quan tâm
Giới thiệu và mời diễn giả trình bày	- Giới thiệu sơ lược về diễn giả (tên, lớp, khả năng…) - Giao tiếp ngắn với diễn giả để tạo không khí và mời diễn giả trình bày giới thiệu
Tổ chức trao đổi ngắn về sự kiện	- Phỏng vấn ngắn một vài HS, người tham dự về ý nghĩa của: Buổi giới thiệu tác giả Nguyễn Du. - Mời đại diện nhà trường phát biểu
Kết thúc sự kiện	- Khẳng định ý nghĩa của việc tổ chức sự kiện giới thiệu tập thơ, tập truyện ngắn, tiểu thuyết -Nói lời cảm ơn và gửi lời chào tạm biệt đến các vị đại biểu, các thầy cô giáo, các bạn học sinh

III. Đề cương của bài giới tác giả Nguyễn Du

1. Mở đầu: (có thể chiếu một số hình ảnh về Nguyễn Du, hình ảnh bìa các tác phẩm chính của ông).

2. Nội dung:

- Nguyễn Du (1765 – 1820), tên chữ Tố Như, hiệu Thanh Hiên, quê tỉnh Hà Tĩnh. Ông sinh trưởng trong gia đình đại quý tộc có truyền thống khoa bảng, nhiều đời làm quan lớn và là dòng tộc có truyền thống sáng tạo nghệ thuật. Hoàn cảnh gia đình tác động sâu sắc đến cuộc đời Nguyễn Du, tài năng văn học của ông vì thế có điều kiện nảy nở và phát triển sớm.
- Tuổi thơ Nguyễn Du hạnh phúc trong giàu sang phú quý. Cha ông là tể tướng trong triều, các anh cũng làm quan to cấp thượng công, gia đình tột cùng giàu sang. Lúc nhỏ, Nguyễn Du thường theo cha và anh vào chơi và học tập cùng các công nương quý tử trong triều nên sớm có được học thức cao đẹp.

- Thế nhưng, thời hoàng kim ấy tồn tại không được bao lâu. Loạn lạc xảy ra, gia đình ly tán, Nguyễn Du sớm phải gánh chịu nhiều mất mát.
- Lên 11 tuổi, Nguyễn Du mất cha. Hai năm sau, mẹ ông cũng qua đời. Từ đó, Nguyễn Du lưu lạc khắp nơi trong nhân gian. Lúc thì theo anh Nguyễn Khản, lúc về quê mẹ, lúc tại về thành Thăng Long. Cuộc đời gian nan, lận đận, phải gánh chịu không biết bao nhiêu cực khổ. Khi phong trào Tây Sơn thất bại, nhà Nguyễn phục hưng, Nguyễn Du có ra làm quan nhưng không mấy ưng ý. Những xung đột trong tư tưởng khiến ông có nhiều mâu thuẫn với thời cuộc.
- Nguyễn Du là người có hiểu biết sâu rộng, vốn sống vô cùng phong phú, thông thuộc kinh sách cổ kim, tầm chương trích cú cũng vô cùng xuất sắc. Ông đã từng sống nhiều năm lưu lạc tiếp xúc với nhiều cảnh đời và thân phận con người trong thời đại loạn lạc, dâu bể. Khi làm quan bất đắc dĩ dưới triều Nguyễn, ông đã từng đi sứ sang Trung Quốc, qua nhiều vùng đất rộng lớn, tiếp xúc với nền văn hóa rực rỡ ở Trung Hoa. Tất cả những điều đó đã ảnh hưởng lớn đến sáng tác của Nguyễn Du. Ông là người có một trái tim giàu tình yêu thương, tấm lòng trắc ẩn, suy tư trước vận mệnh con người trước thời đại.
- Sống trong thời đại với nhiều biến động dữ dội, cộng với tấm lòng thương người vô hạn khiến cho cuộc đời Nguyễn Du quay cuồng như một cơn bão tố. Ông vừa muốn tận trung với triều đình theo lí tưởng nho gia, vừa hướng về những số phận đau thương, bất hạnh; vừa muốn bảo vệ quyền lực phong kiến lại vừa muốn thực thi công lí ở đời. Thế nhưng, lí tưởng lúc nào cũng mâu thuẫn với thực tại, nhiều lúc ông rơi vào bế tắc cùng cực. Quan trường đối với ông là một chốn ô nhục, với quá nhiều điều trái tai gai mắt thật đáng khinh bỉ. Việc ra làm quan đối với ông là một việc bất đắc dĩ phải làm. Bởi thế, nhiều lần ông cáo lão về quê, được ân chuẩn rồi lại bị triệu hồi. Tuy được nhà vua trọng dụng, giao cho nhiều trọng trách, song ông không lấy làm vui vẻ. Ông dự định, sau chuyến đi xứ Trung Quốc lần 2, ông sẽ xin từ quan, tránh mọi phiền phức. Thật không may, ông đã mất trước chuyến đi, tại kinh thành Huế, hưởng thọ 55 tuổi.

**** Sự nghiệp văn học***:

Nguyễn Du đã để lại cho hậu thế nhiều tác phẩm văn chương bất hủ bao gồm cả chữ Hán và chữ Nôm. Ở lĩnh vực nào, Nguyễn Du cũng đạt nhiều thành tựu xuất sắc.

Sáng tác chữ Hán, bao gồm:

- *Thanh Hiên thi tập* (gồm 78 bài), viết chủ yếu trong những năm tháng trước khi làm quan nhà Nguyễn.
- *Nam trung tạp ngâm* (gồm 40 bài thơ), làm từ năm 1805 đến cuối năm 1812, ông viết khi làm quan ở Huế, Quảng Bình và những địa phương ở phía nam Hà Tĩnh.
- *Bắc hành tạp lục* (Ghi chép trong chuyến đi sang phương Bắc, gồm 131 bài thơ), viết trong chuyến đi sứ sang Trung Quốc.

Sáng tác chữ Nôm, gồm có:

- *Đoạn trường tân thanh* (Tiếng kêu mới về nỗi đau đứt ruột), tức *Truyện Kiều*, gồm 3254 câu thơ theo thể lục bát.
- *Văn chiêu hồn* (nguyên có tên là *Văn tế thập loại chúng sinh*, nghĩa là *Văn tế mười loại người*), là một ngâm khúc gồm 184 câu viết theo thể song thất lục bát.
- *Thác lời trai phường nón* (gồm 48 câu), cũng được viết bằng thể lục bát, nội dung thay lời người con trai phường nón làm thơ tỏ tình với cô gái phường vải.
- *Văn tế sống Trường Lưu nhị nữ* (gồm 98 câu), viết theo lối văn tế…

**** Đánh giá***:

- Nguyễn Du nổi bậc giữa bầu trời văn chương như một ngôi sao rực rỡ với ánh sáng lạ thường. Có thể nói, ông đã đem đến cho nền văn học thế kỉ 18 và nền văn học dân tộc những tiếng nói thấm đẫm tình người, được bao bọc trong hình thức nghệ thuật tuyệt đẹp chưa từng có.

- Xét về nội dung, nét nổi bậc trong sáng tác Nguyễn Du chính là sự đề cao xúc cảm, dạt dào tình người. Nét nổi bậc nhất là sự cảm thông sâu sắc của tác giả đối với cuộc sống và con người, đặc biệt là những con người nhỏ bé, bất hạnh. Ông tập trung thể hiện sự trân trọng và đề cao con người trong chính cuộc sống của họ. Cái nhìn nhân đạo này khiến ông được đánh giá là một nhà nhân đạo xuất sắc của thế kỉ 18, 19 và nền văn học dân tộc.
- Về mặt nghệ thuật, Nguyễn Du tỏ ra uyên bác và thâm thúy cả những thể loại thơ cổ Trung Quốc lẫn thơ dân tộc. Ở thể loại nào ông cũng tỏ ra xuất sắc, thông thạo tuyệt vời. Thơ Nguyễn Du luôn nhịp nhàng âm thanh, bừng lên sắc màu của sự sống, hằn lên những đường nét sắc cạnh của bức tranh hiện thực đa dạng. Và trong bộn bề âm thanh, sắc màu, đường nét vô cùng phong phú ấy, Nguyễn Du hiện ra vừa dạt dào yêu thương, vừa trầm tư, nghiêm khắc. Đó là do bản lĩnh của một đại Nho, luôn hết lòng vì con người, khiến cho tác phẩm của ông có sức sống diệu kì trong trái tim con người.
- Với những đóng góp trên Nguyễn Du xứng đáng là Đại Thi Hào của dân tộc. Sáng tác của Nguyễn Du không thật đồ sộ về khối lượng, nhưng có vị trí đặc biệt quan trọng trong di sản văn học và văn hóa dân tộc. Từ *Truyện Kiều* đã nảy sinh biết bao những hình thức sáng tạo văn học và văn hóa khác nhau: Thơ ca về Kiều, các phóng tác *Truyện Kiều* bằng văn học, sân khấu, điện ảnh; rồi rất nhiều những dạng thức của nghệ thuật dân gian: Đố Kiều, giảng Kiều, lẩy Kiều, bói Kiều… Đặc biệt là số lượng rất lớn những bài bình luận, những công trình phê bình, nghiên cứu.
- *Truyện Kiều* và sự nghiệp văn học đã tốn không ít giấy mực của các nhà nghiên cứu và phê bình xưa và nay. Nguyễn Du Mộng Liên Đường Chủ Nhân khi đọc truyện Kiều đã từng nhận xét: "Ta nhân lúc đọc hết cả một lượt, mới lấy làm lạ rằng: Tố Như tử dụng tâm đã khổ, tự sự đã khéo, tả cảnh đã hệt, đàm tình đã thiết, nếu không phải có con mắt trông thấu cả sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời, thì tài nào có cái bút lực ấy…"
+ Học giả Phạm Quỳnh cũng đã đánh giá rất cao Truyện Kiều: "Truyện Kiều còn thì tiếng ta còn".
- *Truyện Kiều* được xem là kiệt tác có giá trị và tầm ảnh hưởng lớn nhất của nền văn học Việt Nam từ xưa đến nay. *Truyện Kiều* đã được dịch ra hơn 20 ngôn ngữ khác nhau với rất nhiều bản dịch, càng khẳng định mạnh mẽ vị trí của Nguyễn Du trong lòng đọc giả trên toàn thế giới.
=> Để tôn vinh và tưởng niệm Nguyễn Du, ngày 25/10/2013, hội đồng Tổ chức Giáo dục Khoa học và Văn hóa Liên hiệp quốc đã chính thức vinh danh Đại thi hào Nguyễn Du cùng với 107 danh nhân văn hóa trên toàn thế giới.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ PHẦN TRÌNH BÀY CỦA CÁ NHÂN

STT	Nội dung đánh giá		Mức độ	
			Đạt	Chưa đạt
1	Nêu được mục đích giới thiệu tác giả			
2	Truyền đạt các thông tin chung về tác giả			
3	Nội dung nói	Giới thiệu về xuất thân, hoàn cảnh gia đình, xã hội; sự nghiệp sáng tác; đặc điểm văn chương.		
4		Giới thiệu giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật sáng tác của ND		
5	Cách trình bày	Phong thái tự tin, chủ động, sử dụng ngôn ngữ nói phù hợp		
6		Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ, phương tiện hỗ trợ		

7		Tương tác với người nghe		

PHIẾU ĐÁNH GIÁ PHẦN TỔ CHỨC SỰ KIỆN

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ	
		Đạt	Chưa đạt
1	Hình thức trang trí (maket, poster,...)		
2	Phần thể hiện của người dẫn chương trình		
3	Phần trình bày của người giới thiệu		
4	Sự phối hợp giữa các bộ phận		

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu

- Học sinh lựa chọn được đề tài thuyết trình phù hợp
- Học sinh biết cách thức và kĩ năng thuyết trình giới thiệu về một tác giả văn học.

b. Nội dung thực hiện: Học sinh chọn một trong các đề thực hành trong SGK để thuyết trình.

c. Sản phẩm: Bài thuyết trình của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

B1. Giao nhiệm vụ học tập

Tìm hiểu và thuyết trình giới thiệu về một tác giả văn học mà em yêu thích.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh chia nhóm lựa chọn đề tài và tìm hiểu các thông tin về tác giả văn học được lựa chọn để giới thiệu ở nhà.
- Chuẩn bị bài thuyết trình trước lớp.

B3. Báo cáo, thảo luận: Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu. Học sinh nhóm khác nhận xét, đánh giá, trao đổi, thảo luận.

B4. Kết luận, nhận định: Giáo viên nhận xét, đánh giá chung, cho điểm.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu

Giúp học sinh vận dụng kiến thức đã học để thuyết trình giới thiệu về một tác giả văn học mà mình yêu thích.

b. Nội dung thực hiện: Tự tìm hiểu và giới thiệu về một tác giả văn học yêu thích.

c. Sản phẩm: Bài nghiên cứu của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên yêu cầu học sinh: vận dụng những kiến thức đã học từ chuyên đề, giới thiệu về một tác giả văn học mà em yêu thích.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hiện nhiệm vụ ở nhà

B3. Báo cáo thảo luận

Học sinh nộp sản phẩm qua nhóm Zalo hoặc trình bày trực tiếp trên giấy.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện

Giáo viên nhận xét, đánh giá và cho điểm vào đầu tiết học sau của lớp.